Năm thứ hai — Số 56
Tuần - lễ từ thứ tư 22
đến thứ ba 28 Juillet 1942

TRI TÂN

Tạp-chí văn-hóa ra hàng tuần
Tòa báo : 195, Phố Hàng Bông, Hà-nội

Trong số này :

Lịch-trình báo chí Việt-nam — Quan-niệm dịch thơ — Tra nghĩa chữ nho (X) — Đêm giáng trên cầu sông Nhị — Một bức thư Huế — Hậu quân Lê Chất (I) — Việt-nam văn-học sử (XXXI) — (Thời đàm) — Những ông nghè triều Lê (XXIX) — Anh Mỹ sửa soạn mở mặt trận thứ hai — Tài-liệu để đính chính những bài văn cổ (XXXIII) — Một bà chủ đầu-điền hồ thế-kỷ thứ 14 — Trăm mai sum-họp (V).

GIÁ BÁO

Mỗi số	1 năm	6p80
	6 tháng	3.50
16 xu	3 —	1.80

Cộng sở giá gấp đôi

Nhơn cuộc triển-lãm sách, báo quốc-ngữ ở Sài-gòn

LỊCH-TRÌNH BÁO-CHÍ VIỆT-NAM

KHUÔNG-VIỆT

TRƯỚC khi được tiếp-xúc với văn-hóa Tây-phương, người Việt-nam ta cũng đã có viết sách, in sách chữ Hán. Đời Lý đã có sách in mộc-bản. Từ đời Trần về sau nghề in sách càng ngày càng tiến-bộ hơn.

Nhưng về báo-chí thì mãi đến khi người Pháp sang mới thấy ra đời với chữ Pháp, chữ quốc-ngữ và cách in hoạt-bản (1)

.·.

Năm 1865, khi việc binh bị đã tạm yên ở ba tỉnh phía đông xứ Nam-kỳ. Chánh-phủ Pháp lên nghĩ tới việc giáo-dục, mở mang dân-chúng và truyền-bá học-thuật tư-tưởng của nước Pháp Muốn cho chóng thành công, Chánh phủ cần phải có trong tay cái lợi-khí mạnh-mẽ nhứt thế giới là báo-chí. Do đó tờ « Gia-định báo » ra đời ngày 1er Avril năm 1865, và là thủy-tổ của báo-chí quốc-ngữ ở nước ta. Ông Ernest Poteau, thông ngôn của Chánh-phủ Nam-kỳ, đứng trông nom bài vở. Rõ thật là một sự mỉa-mai : Tờ báo quốc-ngữ thứ nhất của nước Việt lại có một ông Tây chủ-bút người Pháp.

Nội-dung của tờ « Gia-định báo » cũng như tờ « Courrier de Saigon » cơ-quan chữ Pháp của Chánh-phủ khai sanh ngày 1er janvier năm 1864 — chia ra làm hai phần :

Một phần công-vụ dịch đăng các nghị định, thông tư của Chánh-phủ vừa ban-hành và một phần tạp-vụ có nhiều tin tức trong xứ. Ta có thể nói tờ « Gia-định báo » là bản dịch của tờ « Courrier de Saigon ».

Đến năm 1869, do nghị-định đề ngày 16 Septembre của thủy sư đô đốc Ohier tòa soạn của « Gia-định báo » mới được giao cho nhà thông thái Việt-nam Trương-vĩnh-Ký. Từ đó « Gia-định báo » tuy không có thay đổi về hình-thức, nhưng có phần khả-quan về nội-dung, vì Sĩ-Tải tiên-sinh đã lãnh cái trọng trách là cổ-động, truyền-bá quốc-ngữ và giáo-dục quốc-dân. Lần-lượt trên mặt « Gia-định báo » ta được thấy những bài khảo-cứu, nghị luận, thi-ca của mấy tay danh-sĩ Nam-kỳ về thời bấy giờ như Tôn-thọ-Tường, Paulus Huỳnh-tịnh Của, Trương-minh-Ký (Xin đừng lộn với Trương-vĩnh-ký).

Chữ quốc-ngữ được phổ-thông mau-lẹ khắp Nam-kỳ, đành là nhờ tài sức của những văn-nhân vừa kể trên đã trước-tác được nhiều hữu-ích ; nhưng một phần cũng nhờ sẵn có « Gia-định báo » để làm cơ-quan truyền-bá và khuyến-khích.

Này đây là một bằng-chứng mà chúng tôi trích nguyên-văn trong « Gia-định báo » số 4, ngày 15 Avril 1867 :

« Thầy Ký (Trương-Vĩnh) dạy học, có làm sách mẹo dạy học tiếng Lang-sa, có làm ra chữ quốc-ngữ để người ta dễ học, những người kỉ-lục giỏi cùng siêng-năng sẽ lo mà học chữ quốc ngữ vì có hai mươi bốn chữ mà viết đặng muôn ngàn chuyện, chữ chi mắt rẽ cũng viết đặng, không phải như chữ ta, học già đời mà còn có chữ lạ viết không ra, ở đây phủ Tường (Tôn Thọ) đã học đặng chữ quốc-ngữ, viết đặng, đọc đặng. Chữ ấy chẳng khó đâu, ra công học một đôi tháng thì thuộc hết »

Một mình « Gia-định báo » mùa gậy vườn hoang cho đến ba mươi sáu năm sau (1900) mới có tờ « Nông-cổ mín đàm » ở Nam và tờ « Đồng văn nhựt báo » ở Bắc ra chen vai trên đàn ngôn luận.

Tờ « Nông cổ mín đàm » do ông Canavaggio sáng-lập, được những ông Dũ-Thúc Hương-khắc-Ninh, Gilbert Chiếu, Nguyễn đồng-Trụ, Lê-văn-Trung, Tân-Châu Nguyễn-chánh-Sắc lần-lượt thay nhau cầm đầu tòa soạn.

Tờ « Đồng-văn nhựt báo » của ông Schneider có một phần chữ Hán do cụ Đào-nguyên-Phổ trông nom và một phần quốc-ngữ do ông Hàn-thái-Dương biên tập.

Ít năm sau, ông E Babut cho ra tờ « Đại-Việt tân-báo » ở Bắc-kỳ.

Ở Nam-kỳ, năm 1905, ông Georges Garros lập tờ «Nhựt báo tỉnh» với một mục đích cao-thượng là « Dạy-dỗ và toại chí người An-nam», theo lời tuyên-bố trên nhãn báo Giúp việc cho « Nhựt báo tỉnh», có những ông Gilbert Chiếu, Thái-chiển-Đình, Nguyễn-phong-Quang.

Năm 1906, ông Schneidver lại trở vào Nam-kỳ, là nơi trước kia ông có lập nhà in và nhà bán sách, để mở ra hai tờ « Lục tỉnh tân văn »

và « Nam Trung nhựt báo », được các ông Thọ-An, Giác-Ngã, Thiên-Đạc, Phạm-duy-Tôn, Nguyễn-bá-Trác vừa giúp.

Về sau, tờ « Lục tỉnh tân văn » thuộc quyền ông Nguyễn-văn-Của chủ-trương và đã biến thành một tờ công-báo cho đến ngày nay để kế nghiệp cho tờ « Gia-định báo ».

. . .

Điều nên để ý là lúc bấy giờ người Việt-nam chưa có quyền mở báo, thành thử báo nhiều báo chí đầu tiên ở nước ta đều do người Pháp sáng lập rồi, hoặc chủ trương, thuê người Việt-nam viết, hoặc cho mướn lại.

Trong số người Pháp chủ báo quốc-ngữ, người đáng được để-ý là ông Schneider. Ông có nhiều công-nghiệp đối với nền văn-học quốc-ngữ Việt-nam. Trải mấy mươi năm ông lăn lóc trong nghề ăn-loát đã đào tạo ra được một số thợ in người Nam rất tinh nghề. Nhưng công lớn của ông mà các nhà văn nhà báo ngày nay không quên được là việc sáng-lập báo chí để vạch sẵn một con đường tri-thức Việt-nam sau này. Ấy là con tường của làng báo quốc-ngữ.

Thật thế, sự bền gan của ông rất đáng phục. Năm 1907, khi tờ « Đông văn nhựt báo » vừa yếu thế, ông vội dời ngay ra « Đăng cổ tùng báo ». Với tờ « Đăng cổ tùng báo » xuất hiện trong báo-giới một vị anh tài biết rõ sức mạnh của cây viết, đã làm vẻ-vang cho nghề viết báo ta : Chính là ông Nguyễn-văn-Vĩnh đã qua cõi.

Tờ « Đăng cổ tùng báo » đình bản năm 1909. Kế xảy ra nhiều việc rắc-rối về chánh-trị khiến cho làng báo quốc-ngữ xứ Bắc phải chịu im hơi nín tiếng cho đến năm 1913. Năm ấy, cũng là ông Schneider đứng ra hiệp-tác cùng ông Nguyễn-Văn-Vĩnh, sáng-lập tờ « Đông-dương tạp-chí ». Ngoài ra còn được ông cử Phan-Kế-Bính vừa giúp. Rồi tờ Trung-bắc tân-văn được khai sinh, có các ông Hoàng-Tăng-Bí, Dương-Bá Trạc, Nguyễn-Đỗ Mục v. v. cộng-sự.

Tạp chí Nam-Phong của ông Thượng-Chi Phạm-Quỳnh ra đời lúc trận Âu-chiến 1914-1918 sắp tàn (1917) để cổ-vũ cho quốc-ngữ, dung-hòa và phổ-thông hai cái văn-hoa Đông-Tây. Tờ tạp-chí này đã để lại cho đời bao nhiêu cái hay cái đẹp của tư-tưởng, với những bài hoặc trước-tác hoặc dịch-thuật của các ông Đông-Châu, Tùng-Vân, Sở-Cuồng, Nguyễn-Ba-Trác, Thượng-Chi, Đông-Hồ v. v.

Ở trong Nam, tờ « Đại-Việt tạp-chí » của hội Khuyến-học tỉnh Long-xuyên góp tiếng trên đàn ngôn-luận từ năm 1918 và cũng đồng một chủ-nghĩa với tờ Nam-Phong.

Độ mười năm về sau, tiến theo trình-độ tri-thức của quốc-dân, báo-chí ở nước ta đã có vẻ khả-quan cả phần lượng và phần phẩm.

Năm 1920, ở Bắc-kỳ có những tờ : « Thực-nghiệp dân báo » (1920) của ông Nguyễn Hữu-Thu, tờ « Khai-hóa nhựt-báo » (1926) của nhà thực-nghiệp Bạch-Thái-Bưởi, « Trung-hòa nhựt báo » (1923) của Hội truyền giáo, tờ « Đông-pháp báo » (1925) là phụ-trương của tờ « France Indochine », tờ « Học-báo » là báo giáo khoa và gần đây hai tạp-chí « Hữu-Thanh » và « An-nam » mà thi-sĩ Tản-Đà đã thao-túng một thời trên văn-đàn Nam-việt.

Ở Nam-kỳ có những tờ : « Công luận báo », « Đông-Pháp thời-báo », « Trung-lập báo », « Nhựt-tân báo », « Thần chung » và tờ « Sư-phạm học khoa ». v.v.

Riêng xứ Trung-kỳ là chậm-trễ về đường báo-chí. Tuy vậy, tờ « Tiếng Dân » của cụ Huỳnh-Thúc-Kháng đã theo dõi kịp chúng bạn về đủ mọi phương-diện, lại là một cơ-quan ngôn-luận có giá-trị và cao tuổi nhất ở đất Thần-kinh.

. . .

Mấy năm sau này, số báo-chí quốc-ngữ đã tăng lên nhiều và từ hình thức đến nội-dung đều phát-triển.

Ai đã được xem qua tờ « Gia-định báo », tờ « Đông văn nhựt báo » của thời xưa và tờ « Tri Tân », tờ « Thanh Nghị » ngày nay trưng-bày trong « Tuần lễ sách, báo quốc-ngữ » ở Saigon đều công nhận rằng báo giới Việt-nam đã bước được một bước khá dài trên đường tiến-bộ. Nhưng ai ơi ! con đường đó còn tham-thẩm và báo-chí ngoại-quốc đi trước ta đã « bỏ rơi » ta tận chân trời !

KHUÔNG-VIỆT

1. Xem Tri-Tân số 49, trang 2-3-4-21

Đón xem

Tôn Thọ Tường

một danh-sĩ đất Đồng-Nai (1825-1877)

KHUÔNG-VIỆT biên soạn

THIẾU-SƠN đề tựa,

« . . . Một công trình có giá trị « về lịch sử và một tấm gương « tiết tháo để soi chung ».

Nhà NGUYỄN-KHÁNH-ĐÀM
12, Rue Sabourain, Saigon
phát hành.

QUAN - NIỆM DỊCH THƠ

KIỀU THANH-QUẾ

Dịch thơ Tàu

TÁC-GIẢ quyển *En Chine* — một quyển du-ký danh-tiếng —, ông hàn-lâm Abel Bonnard, trước khi dịch thơ Đường, bảo : « Tôi muốn trích lục ra đây mấy bài thơ Tàu. Nhưng mà xin độc-giả trước khi cầm lên đọc, phải nghĩ cho rằng những bài thơ ấy trước khi sang đến đất ta, đã phải qua đường đất xa xôi biết bao nhiêu. Đời xưa vua chúa các nước biết tiếng nhau thường sai sứ đem những của báu sang tặng lẫn nhau. Bộ sứ bắt đầu đi cũng là bâng quơ không biết rõ xứ-sở nào. Lúc khởi hành thì lễ vật châu báu biết bao nhiêu mà kể. Nhưng mà đường đi thiên nan vạn nan, núi sông cách trở, lại gặp những giặc cướp vô số, bóc lột mất nhiều ; đến khi tới nơi thì quá nửa đồ châu báu mất cả. Thơ chữ Tàu mà chuyển dịch sang chữ Pháp, cũng tức như người đi sứ đó, đường đất xa xôi, giao-thông cách trở, từ thế giới Thái-đông sang thế giới Thái-tây, đã mất đi quá nửa chân châu bao ngọc lúc mới đầu. Sang đến tay ta, họa còn được hòn khuê bích nào, du chưng rằng lễ tạng hậu. Nhưng mà thế cũng còn đang được chút cảm tình một người khách phương xa vậy... (1) »

Thơ chữ Tàu mà chuyển sang chữ Pháp có những tánh cách ấy, thì âm vận quốc-văn để dịch thơ Tàu chắc cũng không làm sao có những tánh cách kha hơn thế đặng.

Dịch thơ Tàu là một môn rất khó. Nhưng chẳng phải không có làm người mo tay đến. Trong đa số ấy, người ta, than ôi ! chỉ tìm được rất hiếm thiên - tài. Mà Tản Đà Nguyễn Khắc-Hiếu là một. Tưởng nên kể đến. Ngoài bao nhiêu tập thơ do ông sáng tác, sự nghiệp văn chương ông ngày nay tưởng chỉ nên bằng vào công trình dịch thuật của ông mà đánh giá thôi.

Ông dịch có khi công phu lắm ; mà có khi cũng chỉ trong thoáng chốc thôi. Bài đề từ *Liêu Trai chí dị* của Vương Ngư-Dương :

Nói láo mà chơi, nghe láo chơi !
Giàn rưa lún phún hạt mưa rơi.
Chuyện đời hẳn chán không buồn nhắc,
Thơ thẩn nghe ma đọc mấy lời. (2)

Bài ấy, ông dịch được rất nhanh. Ông bảo với Nguyễn Tuân và Nguyễn xuân-Huy : « Tôi đã dịch bài này trên xe điện đấy, các ông ạ. Thế này : Hôm ấy là ngày in đến những trang cuối cùng của cuốn *Liêu Trai* rồi. Bài thơ này, tôi phải ưa ngay. Thế mà lúc bước chân lên xe điện để lên nhà in chưa có một chữ nào cả. Nhưng lên xe cũng không nghĩ đến dịch. Thấy có mấy người nhà quê, tôi còn ngồi nói mấy câu chuyện phiếm. Rồi bỗng không biết sao, tự nhiên thì-ừ nẩy đến. Tôi ngồi nhẩm dịch. Mà chỉ có một quãng chừng độ từ Chợ Hôm đến Bờ Hồ thì đã xong. Đến nhà in chỉ còn việc chép ra ! ... Phần nhiều những thơ văn tôi đều dịch dễ-dàng như thế cả. Mà cái *hứng* nó đến không biết lúc nào... (3) »

Tuy bảo thế, chớ đôi khi Tản-đà cũng không dịch được dễ dàng như ông tưởng đâu. Trong quyển *Đài gương truyện*, dịch bài « đề vách » của nàng Đào Anh là người đàn bà góa nước Lỗ, Tản Đà gặp câu « *tử giả bất khả vương* » mà ông dịch là « *ké chet đi khon để mà khuây.* » Nàng Đào Anh viết câu này có ý muốn mượn con chim hoàng hộc để ví mình : hai chữ *tử giả* vừa chỉ chim mà cũng để nói đến người. Nếu dịch là *ke chet* thì mất hẳn nghĩa chim đi. Vì thế, có một khuyết điểm ! Và từ đó đến ngày chết, kể ra trên hai mươi năm, Tản Đà tiên sinh vẫn không tìm được chữ nào hay hơn để dịch *tử giả*. Thuở sanh tiền, ông thường bảo : « *chữ «kẻ» trong khi ấy viết gượng, mà từ đấy đến nay 20 năm, vẫn không sao kiếm được chữ khác* ».

Ngoài những lúc gặp *hứng* dịch được dễ-dàng, mà những lúc ấy bao giờ cũng hiếm ! Tản-Đà thường gặp nhiều bài thơ Đường dịch được rất lâu ; vì đừng nói gặp nhiều chữ khó chi cho mất công, gặp nội một hai chữ như *tử giả* thì cũng đủ chết dịch-giả rồi ! Chúng ta được biết Tản đà dịch bài « *Xuân giang hoa nguyệt dạ* » của Lý Bạch đến mười hôm, và thiên « *Trường hận ca* » của Bạch Cư-Dị đến hai tháng trời. !

Thế mà lúc dịch xong thiên « Trường hận », Tản-đà còn tuyên bố chưa được hài lòng. Nhà nghệ-sĩ đối với nghệ-thuật mình bao giờ cũng cầu toàn trách bị. Đó là một phẩm - tánh đáng khen. Tản - Đà không bằng lòng mình. Nhưng chúng tôi bằng lòng dịch-giả thiên « Trường hận » của Bạch Lạc-Thiên lắm. Vì đã từng đọc qua bản dịch thiên ấy của Vũ-đình-Liên trên báo *Thanh-Nghị*, của Võ-Oanh trên « *Văn học tuần san* », chúng tôi được dịp so-sánh nghệ-thuật dịch thơ Tàu của hai dịch-giả ấy với Tản-Đà. Bản dịch của Tản-Đà ăn đứt bản dịch của hai vị. Chúng tôi nhận thấy nhiều chỗ Tản-Đà chẳng những đã lột được hết ý thơ, mà còn diễn được cả các sanh lực điểm tàng của lời thơ trong nguyên tác. Như dùng có một chữ *âm* mà dịch gọn được hai chữ *động địa* trong câu :

« Ngư-dương bề cổ *động địa* lai.
Âm tiếng trống Ngư-dương kéo đến... »

Trong nguyên tác, trước câu thơ ấy, Bạch cư-Dị tả những say-đắm của Đường Minh hoàng và những yến tiệc linh đình trong cung, bằng một lối văn du dương. Đến câu,

này, họ Bạch muốn dùng nó làm một câu chuyện để sang ý khác, thế nên lời thơ ông có chỗ mạnh-mẽ đột khởi lạ thường Đọc lên hai chữ *động địa* trong nguyên tác hay chữ *ầm* ở bản dịch, ta đều có cảm giác giống nhau: tưởng như nghe thấy một hồi trống giặc long trời lở đất giữa Hoàng Kim thời đại!

Lời thơ dịch của Tản Đà chẳng những mạnh mẽ đột khởi như chữ *ầm* thôi đâu, mà lắm lúc cũng mềm mại, uyển chuyển, đọc nghe mới êm đềm làm sao! và gợi cho ta bao cảm giác mơ màng như khi nhìn cảnh hoa rơi, ngắm chiếc lá rụng:

« *Xuân phong đào lý hoa khai dạ,*
Thu vũ ngô đồng diệp lạc thì.
Xuân đào, lý gió đêm đua nở,
Thu khi mưa rụng lá ngô đồng! »

Hai câu thơ dịch này, ngoài cái hay lột ý được nguyên tác, còn đặng thêm một đặc điểm nữa: là *âm thanh* nó rất điều hòa, *tiết tấu* nó rất có vận điệu.

Bên cạnh Tản Đà, chúng tôi còn để ý đến nghệ thuật dịch thơ của một thi sĩ trẻ tuổi vừa bạc mạng: J. Leiba Thanh-Tùng-tử Lối thơ dịch của ông lưu loát và cho người đọc cái cảm tưởng như được đọc một thi phẩm do ông sáng tác chớ không phải của ông phiên dịch. Chẳng muốn phân tách lôi thôi về nghệ thuật ông dịch thơ, chúng tôi xin trích lục dưới đây vài bản dịch thơ của ông lượm lặt trong các báo:

I

Thiếp phải sơ phúc nghạch
Thiết hoa môn tiền kịch.
Lang kỵ trúc mã lai,
Nhiễu sàng lộng thanh mai...

« Trường can hành » của Lý Bạch

(Tóc em vừa chấm trán,
Trước cửa hái hoa chơi.
Anh cưỡi ngựa tre lại.
Quanh giường ném quả mai....)

II

Nhất chi nùng diễm lộ ngưng hương,
Vân vũ Vu-sơn uổng đoạn trường.
Tá vấn Hán cung thùy đắc tự?
Thả liên Phi Yến ỷ tân trang!

(Một cành sương lả đẫm mùi hương,
Mưa gió non Vu luống đoạn trường.
Cung Hán được bao người mặt ngọc?
Phấn son Phi-Yến nét yêu đương).

« Thanh bình điệu » của Lý Bạch

III

Yên lung hàn thủy, nguyệt lung sa,
Da bạc Tần-hoài cận tửu gia.
Thượng nữ bất tri vong quốc hận,
Cách giang do xướng Hậu-đình-hoa.

« Bạc Tần-hoài » của Đỗ-Mục

(Nước mơ bóng khói, cát trăng lồng,
Thuyền dạo sông Hoài ghé quán không.
Hận nước gái buôn đâu biết nhỉ!
Hậu-đình khúc hát vẳng bên sông).

IV

Hoài thủy giang đầu nguyệt sắc tân,
Giang lưu, điểu vọng bích thiên trầm,
Không ức lạc triều cố sự,
Nhưng hoài ngọc lũy phủ vân.
Kim niên nguyệt,
Kim niên nhân,
Hà tằng nhất biệt thiên trùng ngoại,
Hoài thương, cô thuyền, bạch lãng ngân...

(Đầu bến sông Hoài bóng nguyệt soi,
Trời chìm đáy nước, nước trôi xuôi,
Sáu triều việc cũ,
Mấy nỗi chơi-vơi;
Dưới trăng ấy ta với người,
Biệt nhau rồi đấy muôn trùng thẳm,
Thuyền lẻ sông Hoài, sóng bạc trôi...)

Bài II và bài III, tác-giả quyển *Đường thi* của Tân-Dân xuất-bản, Ngô Tất-Tố cũng có dịch. Nhưng bản dịch của Ngô-quân không bì được hai bản dịch kia của Thanh Tùng-tử!

Dịch thơ Tây

Trong làng dịch thơ Tây, chúng tôi được biết Băng-Dương năm xưa dịch nhiều thơ Tây của Musset, Hugo cho đăng trên báo *Đàn bà mới*; Lãng-Nhân Phùng Tất-Đắc, tác-giả bản dịch bài *Premier regret* (*Mối hận đầu tiên*) của Lamartine, bản dịch mà chúng tôi cho là hay nhất đối với thi-phẩm ấy của Lamartine; Khúc Vân-Hòa, người dịch bài *Le Lac* (*Cái hồ*) của Lamartine; Á-Nam Trần Tuấn-Khải, người dịch bài *Le poète et la douleur* (*Thi-nhân và đau khổ*) của Musset, và Tường-Vân...

Có lẽ còn nhiều người dịch thơ Tây nữa mà chúng tôi chưa có dịp thưởng-thức tài-nghệ. Nhưng chúng tôi xin chuộc lỗi sở sót của mình bằng cách, ở đây giới thiệu thêm về Tường-Vân — nhà dịch thơ Tây rất đáng để ý. Và xin trích lục một bản dịch của Tường Vân (1) — một bản dịch mà Nguyễn Triệu-Luật cho là một bản Việt hóa Pháp ngữ:

Nguyên-tác của V. Hugo

Adieu, Patrie!
L'onde est en farie
Adieu, Patrie!
Azur... .·.
Adieu maison, treille au fruit mur
Adieu les fleurs d'or du vieux mur!
Adieu Patrie!
Ciel, forêt, prairie
Adieu Patrie!
Azur... .·.
Adieu, Patrie!
L'onde est en farie.
Adieu, Patrie!
Azur... .·.
Adieu, fiancée au front pur.

(1) Bản dịch của Tường-Vân

Từ giã Tổ-quốc!
Sóng gió đùng-đùng!
Từ-giã Tổ-quốc!
Mênh-mông... .·.
Từ-giã nhà cửa, giàn nho quả chín
Tường cũ hoa vàng;
Từ-giã Tổ-quốc!
Trời mây, ngàn cây, nội cỏ .·. mơ-màng.
Từ-giã Tổ-quốc!
Mênh-mang... .·.
Từ-giã Tổ-quốc!
Sóng gió tung-hoành!
Từ-giã Tổ-quốc!
Xanh xanh...
Từ-giã người yêu, trán nhìn trong suốt

Xem tiếp trang 20

TRA NGHĨA CHỮ NHO

Số 10

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

VIII. — Chữ h

TIẾNG Nam ta dùng chữ *hách-dịch* để nói người ủy quyền làm oai. Văn Tầu thì dùng vào nghĩa thịnh-mỹ : bài phú của Hà-yến có câu «Hách-dịch chiêu thước, nhược nhật nguyệt chi lệ thiên giã», nghĩa là Tốt đẹp sáng sủa như mặt giời mặt giăng khi giời đẹp. Không thấy ông Lê-văn-Hòe chép nghĩa ấy trong quyển *Tầm nguyên từ điển*.

Dưới chữ *hà-thanh* ở trang 180 cũng không thấy chép nghĩa « ví thời cơ khó gặp » : sách *Thập-di* có câu « Hoàng-hà thiên niên nhất thanh », sông Hoàng-hà nghìn năm có một lần trong. Nước sông Hoàng-hà vốn đục, ngày xưa lấy sông trong là điềm thái bình ; văn của Lưu-Tuấn có câu « Hoàng-hà thanh nhi thánh-nhân sinh », khi nào nước sông Hoàng hà trong thì sinh ra thánh-nhân. Vì thế có chữ *hà thanh hải yến* (hoặc *án*), nghĩa đen là sông trong biển lặng, nghĩa bóng là đời thái-bình.

Ở trang 109, dưới chữ *hàn-lâm* ông Lê-văn-Hòe cắt nghĩa chữ *hàn* « là lông cánh chim ». *Từ-nguyên* cắt nghĩa là lông cánh đỏ của con gà. Đời xưa lấy lông cánh làm bút, cho nên gọi bút là hàn Chữ *hàn* còn một âm nữa là *hãn* lại có nghĩa nữa là cỗi gốc và ngựa trắng. *Hàn-lâm* là rừng văn học, (văn-học chi lâm), cũng như nghĩa đàn-văn, vườn văn, (từ đàn văn uyển). Đời Đường, đời Tống, hàn-lâm là chức quan cung phụng ở nội-đình ; bọn phương-kỹ tạp-lưu cũng đãi-chiếu hàn-lâm ! Đến nhà Minh để riêng cho học trò văn-học ; nhà Thanh bắt chước đặt viện hàn-lâm : người nào đỗ tiến-sĩ, vào triều khảo, được thư-cát-sĩ, mới gọi là hàn-lâm, hàn-lâm là con đường rất thanh-quí về khoa-cử. Bộ *Lịch-triều hiến-chương* chép ở nước ta « đời Lý, 1009-1225, đặt viện Hàn-lâm, có chức học-sĩ : đời vua Lý-Nhân-tôn, 1072-1127, Mạc-hiền-Tích làm chức Hàn-lâm học-sĩ. Đời Trần, 1225-1400 noi theo, lại đặt Hàn-lâm thừa chỉ, chức-trách rất trọng, thường lấy chức Thái-sư mật-viện kiêm đó : như đời vua Trần-Nhân-tôn, 1278-1293, lấy Thái-sư Đinh-Củng làm Hàn-lâm học-sĩ phụng-chỉ, sai kiêm Nội-mật-viện, chức việc là nghĩ soạn chiếu thư. Các triều vua sau bắt chước, hết thảy đều là bậc văn-học, danh-nho như lũ Nguyễn-trung-Ngạn, Trương-hán Siêu, Lê-Quất, Hồ-tôn-Thốc, trước sau nối nhau ở chức Hàn-lâm, phẩm-giá chốn ngọc-đường, thực là thịnh-tuyển một thời. Đời Lê, 1418 1789, lúc mới khai quốc, cũng đặt viện Hàn-lâm : quan thì có những chức phụng-chỉ học-sĩ, thị-độc, thị-giảng, trực học-sĩ, tri-chế-cáo, đãi-chế, hiệu-kiểm, v.v. Sau có đặt thêm đại-học-sĩ, làm quan viện-trưởng. Vua Lê-Thánh-tôn, 1460-1497, định phép bãi chức đại-học-sĩ, mà đặt những chức quan như thừa-chỉ, thị-giảng, thị-độc, thị-thư, đãi-chế, hiệu-lý, tu-soạn, kiểm-thảo : phẩm ở chánh tứ trở xuống. Từ đời trung-hưng, 1460, về sau, cũng theo mà không đổi gì ».

Ở trang 110 quyển *Tầm nguyên từ điển*, ông Lê-văn-Hòe cắt nghĩa *hàn-âm* « là tiếng gà vỗ cánh » và chua rằng «nay người ta dùng hai chữ *hàn âm* để chỉ bóng con gà trong các bài văn-tế ». *Từ nguyên* dẫn một câu trong kinh *Lễ* rằng « con gà gọi là hàn âm » chữ là « kê viết hàn âm » : như thế thì sao lại gọi là « chỉ bóng » được ? *Từ-nguyên* chua « hàn trường giã», nghĩa là dài : gà béo thì tiếng gáy dài, cho nên gọi là hàn âm. Vậy hàn-âm không phải là « tiếng gà vỗ cánh » : chính là tiếng gà gáy dài.

Cũng ở trang 110 dưới chữ *hàn thực*, ông Lê văn-Hòe in nhầm tên « sách *Tuế thời ký* » và « sách *Kinh sở ký* » : chính thực ra, chỉ có bài *kinh sở tuế thời ký* in trong sách *Chính-tục Thái-bình quảng-ký*, sách của Bác-cổ. số 493, quyển 8, tờ 7b-8a Bài ký ấy chép một đoạn sách *Cầm tháo* như sau này « Tấn Văn-công cùng Giới Tử-Tuy đều đi chốn. Khi nhỡ đói, Tử Tuy cắt thịt vế cho Văn-công ăn. Đến khi Văn-công phục được nước, Tử-Tuy một mình không được gì cả. Tử-Tuy làm bài ca *Long-xà* rồi đi ẩn. Văn-công tìm, không chịu ra. Văn-công sai đốt những cây ở tả hữu chỗ Tử-Tuy ẩn (ý Văn công buộc Tử-Tuy nóng thì phải ra). Nhưng Tử-Tuy ôm cây mà chết. Văn-công thương-tiếc bắt người ta, ngày mồng ba tháng ba (có chỗ chép là mồng năm tháng năm) không được đốt lửa» Sự tích tiết hàn thực là thế ; nhưng bài *Kinh Sở tuế thời* ký lại dẫn sách *Chu-cử-di-thư* và *Ngụy-vũ minh-phạt*, *Lục uế Nghiệp trung ký* như thế này « Tiết hàn thực cấm lửa, bắt đầu từ Tử-Thôi Sách *Cầm-tháo chép* : Tử-Tuy tức

Thống chế Pétain đã nói :

« Trợ-lực Tổ-Quốc, tức là tin cậy Tổ-Quốc, tức là luôn luôn nhớ đến Tổ Quốc, từ ý-nghĩ đến lời nói, cho tới việc làm, tức là, không nhận điều gì, không nói điều gì, không làm điều gì có thể phương-hại đến Tổ-Quốc ».

là Tử Thôi đó. Lại chép rằng : ngày mồng 5 tháng 5, cùng với ngày nay có khác, đều là nhân lưu-tục truyền lại. Cứ sách *Tả-truyện* và sách *Sử-ký* đều không có việc Giới Tử - Thôi bị chết cháy, «Theo sách *Xuân thu*, bản của Bác-cổ, số A C 194, quyển 2, tờ 47a, thì truyện Giới Tử-Thôi hay Giới Chi-Thôi như sau này : «Tấn hầu thưởng những người theo đi chốn với mình, Giới Chi-Thôi. (*giới-chi-thôi* là tên gọi người bầy-tôi nhỏ của Tấn-hầu, tức Văn-công — không nhắc gì đến công - trạng của mình, mà khi định công cũng không nhớ đến. Thôi nói với mẹ rằng ; «Con Hiến-công chín người, duy có Tấn-hầu còn lại. Ông Huệ, ông Hoài không có đảng-viện, trong ngoài đều bỏ, thế thì chủ về việc cúng-tế của nhà Tấn, chẳng phải Tấn-hầu thì ai nữa ? Đây là giời đã định. Thế mà hai ba gã lại lấy làm công của mình, chẳng hóa ra viển-vông lắm ư ?» Mẹ nói rằng : «Sao chẳng kể công mình ra ; đến khi chết thì nơi gì nữa ? » Thôi thưa rằng : « Đã lỗi mà bắt chước theo, thì tội lại nặng hơn!» Mẹ nói rằng : « Muốn cho Tấn-hầu biết đến, thì làm thế nào ? » Thôi thưa rằng : « Lời nói là văn-chương cho thân-thể. Thân thể mình đã sắp ẩn một nơi, thì dùng văn-vẻ làm gì ? » Mẹ nói rằng : «Đã định như thế, thì ta cùng ương đều đi ẩn...» Tấn-hầu tìm không được, sau lấy đất Miên-thượng làm ruộng tự-điền cho Giới Tử - Thôi, nói rằng để ghi điều nhầm-lỗi của mình, và nêu kẻ thiện-nhân ».

Ở trang 113, dưới chữ *hành lý*, nên chua theo *Từ nguyên* như sau này : Người đời xưa gọi hành nhân là hành-lý. Hành-nhân tức là người đi vắng hay người đi đường. Đời nhà Đường gọi bọn thuộc - quan, — quan phủ đạo tụng, — là hành-lý. Bao - Thư nói : « Trong niên-hiệu Nguyên-hòa và Trường - khánh, chức trung - thừa và chức hành - lý chẳng qua ăn lộc nửa phường». Mãi đến đời sau những đồ vật của người đi xa đem theo mới gọi là hành-lý.

Ở trang 113, dưới chữ *hào kiệt* nên dẫn câu Hoài-nam tử : « Trí hơn vạn người gọi là anh, nghìn người gọi là tuấn, trăm người gọi là hào, mười người gọi là kiệt». Nên dẫn cả câu Mạnh - tử «Nhược phù hào kiệt chi sĩ, tuy vô Văn vương do hưng», nghĩa là đến như kẻ hào kiệt, dẫu không có vua Văn vương, cũng phấn khởi lấy. Kẻ hào kiệt, tức là kẻ tài trí hơn người.

Ở trang 114, nên cắt nghĩa chữ *hịch* theo *từ-nguyên* như sau này : Những văn thư việc quan đời xưa lấy mảnh gỗ dài một thước hai tấc dùng vào việc vời gọi, việc hiểu-dụ, việc trách - mắng. Sách *Hán thư* có câu làm hịch vời tên Thông, Lại như Tư-mã Tương - Như có hịch dụ Ba-Thục. Đời Hậu-Hán Trần-Lâm có hịch đánh Tào-Tháo.

Ở trang 115, ông Lê văn Hòe nói rằng « người ta dùng hai chữ *hiên-điệt* để nói sự có cao thấp, khinh trọng khác nhau ». Ngoài nghĩa xe đằng trước cao gọi là hiên, đằng sau thấp gọi là điệt, quyển Từ-nguyên cắt nghĩa hiên điệt là trong khi nghị luận có ý nén người ta xuống, — chữ nho gọi là ức, — hoặc khen người ta lên, — chữ nho gọi là dương. Như thế thì nên chữa lại câu của ông Lê văn-Hòe giảng trên kia.

Còn nữa

Ứng-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Đã xuất bản

Mẹo chữ Hán, một quyển sách rất cần cho người học chữ Hán. Giá 0p.35
Nét mực tình (thơ văn) của cử-nhân Dương Bá-Trạc. Giá 0p.30
Tiếng gọi đàn (luận thuyết) — id — Giá 0p.30
Đời tài hoa (tập lịch-sử ký của cụ Nguyễn Hàm-Ninh, bạn đồng thời với các cụ Cao Bá-Quát, Nguyễn Văn-Siêu, Nguyễn Công-Trứ, Tùng Thiện-Vương và Tuy Lý-Vương), trong sách có tự-tích cụ Cao Bá-Quát và Tùng Thiện-Vương. Giá 0p.35
Công việc nhà Băng (sách này rất cần cho các nhà buôn) của Dương Tự-Nguyên. Giá 0p 65
Vận văn bách tuyển (sách cho trẻ học rất tốt) đã in đến lần thứ 5 của Dương Tự-Quán. Giá 0p.50
Tập bài thi sơ học yếu lược của Dương Quảng-Hàm và Dương Tự-Quán đã in đến lần thứ 7 Giá 0p 55
Ấu học pháp tự tân thư trẻ con mới học chữ Pháp nên dùng quyển này của Đặng đình Hướng, Giá 0p.12

Mua 1 quyển thêm cước thường 0p.10
Mua cả, cước chung từ 0 p28 đến 0p.40
Đề cho : ĐÔNG - TÂY THƯ QUÁN *195, Hàng Bông — Hanoi*

Tùy-hứng

DÊM GIĂNG TRÊN CẦU SÔNG NHỊ

Cuồn-cuộn sóng trôi về Đông-hải...
Hồn phiêu-diêu theo dõi bóng trăng đi...
Cố-đô kia còn lại dấu thiêng gì ?
Trăng nước hỡi ! tô mầu bao hoán-cải ?

Giống Việt đã bao phen chìm nổi,
Tắm sông Hồng trộn lẫn sóng Ngân-giang ?
Đã từng qua bao thế-hệ với thời-gian ?
Hỏi có thể tử sinh cùng vũ-trụ ?

Giăng đêm trước lờ-mờ ủ-rũ.
Giăng đêm nay trong-suốt, lặng-tờ mây.
Nước sông ơi ! lên xuống mực vơi đầy,
Phải chăng đấy lẽ biến-thiên ràng kim-cổ ?

Bóng dâu ngả dập-dềnh sóng vỗ.
Cánh buồm giương cưỡi gió biết về đâu ?
Ta trầm-ngâm, lừng-thừng bước trên cầu,
Những sợ-sệt dưới chân sao ngọc vỡ.

Trăng với nước, bầu giời chan-chứa.
Nước hóa trăng, rực-rỡ ánh mơ-hồ.
Bao-la, man-mác, vật-vờ,
Trăng hóa nước, say-sưa tâm-hồn mộng.

Bãi cát trắng long-lanh như cử-động.
Men sông đá nhấp-nhô bò,
Thuyền về Ái-mộ lô-xô.
Biết ai hỏi năm người bến cũ !

Vẻo-von giọng, phiêu-phiêu hồn lãng-tử.
Tiếng chim bay xướng-họa giữa từng không.
Im cây, lặng sóng, vơi giòng,
Ta thơ-thẩn, vấn-vương tình trăng nước.

.·.

Giăng chẳng quản muôn nghìn dặm vượt,
Tối nhân-gian soi lướt mái lều tranh,
Chiếu rừng sâu, tô đẹp lá vàng, xanh,
Vào hang thẳm, rung-rinh trêu đàn hổ.

Nước muôn rộng, dứt tình khe suối nhỏ,
Về Trung-châu ngao-ngán thú sông ngòi,
Đồng lầy, ao cạn, hồ vơi,
Thẳng bước tiến, chơi-vơi đường biển cả.

Trăng nước thế. Tròng-trành bản-ngã !
Sao không nước biển, trăng giời,
Bay cao, tan-hóa thành khơi ?
Băn-khoăn quá, nàng ơi, Lý-tưởng !

Gương lịch-sử ngàn năm còn sáng :
Giống Lạc-hồng như nước, như trăng,
Nước lên, nước xuống khôn ngừng.
Trăng bao lúc mây rừng khuất bóng ?

Giòng sông đục, chấp-chênh sao hy-vọng.
Tối mò-mò đưa lại ánh trăng lòe.
Đường đi giấu sẵn lối về.
Óc chiến-đấu trộn-pha bao hồn mộng ?

Lẽ trái-ngược là nguồn sinh-sống.
Bớt đi mà, van-vỉ ! kêu rên !
Bớt đi thôi, tấm-tức với than phiền !
Hãy quăng mạnh bản-thân vào vũ-trụ,

Tìm siêu-việt trên đường gắng cố,
Mở tinh-thần hút cạn ánh dương trong ;
Thịt xương kia tôi luyện rắn vô-cùng,
Mà bản-ngã sáng cao và vĩ-đại.

.·.

Gió bỗng dậy, nước như điên thêm dữ-dội,
Giăng như cuồng, dồn-dập sóng mây bay,
Trời như nghiêng, đất như xoay.
Ai đứng lặng, mê say nhìn cảnh vật ?

Người thiên-cổ — Trời ơi ! ta ngây-ngất !
Giữa đêm khuya đương tiến cuộc tranh hùng
Máu ông cha sôi réo dưới sông Hồng !
Kìa tướng-tá, ba quân, cời trống giục,

Kìa thủ-cấp gươm tung soi ánh đuốc.
Kiếm thanh-niên vớ tóc lão anh-tài.
Giáp xông-pha thắm nhuộm sắc hồng phai.
Thần-công nổ đinh tai như sét giáng.

Lưỡi đao múa ngòng-nghoẻo tia chớp nhoáng.
Phía kinh-đô, tàn lửa rợp giời bay,
Khói tuôn đen, mỗi lúc một thêm dày,
Quân la giặc, voi lồng, quay ngựa hí.

Phải chăng đấy ! Rõ-ràng Tôn-sĩ-Nghị
Rảo chân cùng quân-sĩ dưới cầu phao,
Ẩn chen nhau, xô đẩy, trốn nhao-nhao :
Kẻ mất vía, lộn nhào đâm xuống nước,

Kẻ đầu rụng, máu tươi phun hàng thước.
Giợn-rùng thay : xác chết dưới chân cầu !
Giợn-rùng thay : sóng đỏ cuốn nương dâu !
Trời Nùng Nhị sáng trưng bầu oanh-liệt.

Rượu « hạo-khí », choáng say hồn Đại-Việt.
Kìa những ai, cương-quyết chí nam-nhi,
Xả thân cho tổ-quốc dưới tinh-kỳ ?
Bao hào-kiệt vẫy-vùng trong trận-tuyến ?

Hồn sắp nhẩy xông vòng hỗn-chiến,
Bỗng còi tầu the-thé, biển cơn mê
Giăng trong, yên tĩnh bốn bề,
Cuồn-cuộn sóng trôi về Đông-hải...

MINH-TUYỀN

Sử-học luận đàn

MỘT BỨC THƯ HUẾ

Bản-chí tiếp được bức thư sau đây của ông Dương-Kỵ, một bạn đọc ở Huế, tỏ ý biện-nghi về một chỗ đáng ngờ trong sử. Vậy xin đăng vào mục « Sử-học luận đàn » này để chất-chính cùng các bậc cao minh trong nước.

T. T.

Huế, ngày 6 Juiller 1942

Kính gởi ông chủ bút
Tạp-chí Tri-Tân Hà-nội,

Thưa Ngài,

Đọc các mục khảo-cứu rất công-phu đã đăng trong sổ chuyên-san về triều Gia-Long và số tiếp,(số 51) của quí Tạp-chí, chúng tôi có để-ý đến các đoạn văn trong hai bài « Tây Nam đắc bằng » và « Mười chuyện phi-thường trong đời vua Gia-Long » nói về bước bôn-bá của Chúa Nguyễn - Ánh, sau khi thất - thủ thành Sài-gòn (1783).

Hai bài kể trên đều chép rằng Chúa Nguyễn-Ánh, sau khi mất thành Sài-gòn (1783) chạy về Phú-quốc, bị quân Tây-sơn đuổi,bèn chạy ra Côn-lôn (Poulo-condore), ở đó nhờ cơn bão đánh đắm thuyền quân địch, nên mới chạy thoát về đảo Cổ-Cốt, rồi lại đến Phú-quốc.

Chúng tôi có ý nghi rằng chưa chắc Chúa Nguyễn khi ấy đã chạy thấu đảo Côn-lôn thật.

Các sách chữ Hán nói về sử nước ta thời bấy giờ, đều chép rằng Chúa Nguyễn-Ánh khi ấy bị quân Tây-sơn đuổi từ Phú-quốc chạy đến Côn-lôn. Rồi các nhà làm sử chữ Quốc-ngữ, cho đến người Pháp viết sử ta (như ông Aubaret), đều theo đúng như thế mà bảo rằng Chúa Nguyễn đã chạy thấu Côn-lôn.

Nhưng chúng tôi thiết nghĩ Côn-lôn khi bấy giờ thuộc về hải phận của Tây-sơn, ở phía Đông giốc Cà-mâu. Đảo Phú-quốc ở phía Tây giốc ấy, hai đảo cũng khá xa nhau. Bảo rằng Chúa Nguyễn Ánh bị quân Tây-sơn, nhuệ-khí đương mãnh liệt, thuyền bè nhiều và khí-cụ đủ, rượt đuổi thế mà ngài có thể chạy khỏi bị bắt từ Phú-quốc đến Côn-lôn, từ Côn-lôn đến Cổ-Cốt, rồi lại đến Phú-quốc thì e không được đúng.

Chúa Nguyễn-Ánh tánh rất cẩn-thận (1) chưa chắc đã dám mạo-hiểm đem một ít chiến thuyền đã bị đánh tan-tành, với một nhóm tướng-tá hầu hết mất cả chí chiến-đấu mà đi sâu vào hải-phận bên địch, như Côn-lôn.

Vả, theo sử ta và theo bài « Mười đều phi-thường trong đời vua Gia-Long» thì khi ấy quân Tây-sơn đem chiến-thuyền đến vây đảo Côn-lôn đến ba vòng. Việc làm ấy rất khó-khăn mà chưa chắc đã làm được ở Côn-lôn. Hòn đảo này to lớn chiến-thuyền của quân Tây sơn hồi ấy làm sao cho đủ mà vây đảo ấy đến ba vòng ?

Vậy Chúa Nguyễn-Ánh bị quân Tây sơn đuổi, đã bỏ Phú-quốc mà trốn đến đảo nào ? Chúng ta có thể cho hai chữ Côn lôn chép trong các sách chữ Hán là chỉ vào đảo Koh rong, ở gần đảo Phú-quốc.

Theo sử, thì quân Tây-sơn đuổi kịp chúa Nguyễn-Ánh : Chúa liền bị khốn ở Côn-lôn, nhưng may gặp cơn bão giải vây, nên Chúa chạy đến đảo Cổ-Cốt (Koh-kut). Về hòn đảo nầy, chúng ta không nghi-ngờ gì được nữa. Xem như thế thì nói rằng Chúa đã chạy từ Phú-quốc đến Koh-rong rồi từ Koh-rong đến Koh-kut, có lý hơn là nói từ Phú-quốc đến Côn-lôn, rồi từ Côn-lôn đến Koh-kut. Vượt qua vượt lại một hải phận rộng như thế thì làm sao cho khỏi bị bắt ?

Huống nữa, các nhà viết sử ta hồi bấy giờ thường hay lạm-dụng chữ Côn-lôn mà chỉ các hòn đảo. Quan-sát về việc nầy, ông Pelliot đã nói : « Nhan-nhản nhiều chỗ, người ta cứ để Côn-lôn (On a mis des Kouen louen un peu partout (2). Nên vì thói quen, khi dịch hai chữ Cao-man «Koh-rong», nhà làm sử ta không ngần-ngại mà để Côn-lôn.

Mà họ không ngần-ngại cũng dễ hiểu ; vì hồi bấy giờ dùng chữ nho để viết sử, mà người Tầu không đọc chữ R được ; gặp chữ R họ đọc thành L. Các nhà làm sử ta nghe thổ dân bảo hòn đảo ấy tên là Koh-rong, liền do thói quen ấy viết thành Côn-lôn(Kon-long : Kon long...) vậy. Điều ấy đã từng thấy khi nhà viết sử ta gọi tỉnh Phan - rang mà người Chàm kêu rằng « Pan-ran » thành Phan-lang. Phan-rý thì gọi là Phan-lý.

Tuy vậy hiện nay tại đảo Côn-lôn, dân làng An-hải gọi một hòn núi nọ là núi « Chúa » và truyền-khẩu nhau rằng chúa Nguyễn - Ánh có một lúc đã đến đóng quân ở đó. Như vậy thì có đủ bằng-cớ mà bảo rằng năm 1783, Chúa đã ra Côn-lôn không ? Chúng tôi tưởng là chưa đủ. Đó là có lẽ sau khi khắc-phục hẳn đất Gia-định, trong những lúc đem thủy-quân đi đánh Tây - sơn (như các trận Giặc Mùa chẳng hạn) Chúa đã vì một cớ gì mà ghé đến Côn-lôn chăng ?

Chúng tôi tưởng khi gặp chỗ đáng nghi trong sử thì cần biện - bạch để mong rõ sự thật, nên mới viết mấy hàng này nhờ Ngài, hoặc tác-giả hai bài « Mười chuyện phi-thường trong đời vua Gia-long » và « Tây Nam đắc-bằng », nếu có tài-liệu nào đích-xác chỉ tỏ rằng Chúa Nguyễn-Ánh khi ấy đã chạy thấu Côn-lôn, thì xin cho chúng tôi biết và chỉ-giáo thêm cho, chúng tôi lấy làm hân-hạnh và cảm tạ lắm.

Nay kính
Dương-Kỵ
Bộ Kinh-tế,Huế.

1· *Xin xem* Histoire Moderne du Pays d'Annam *của Maybon trương 304.*

2· *Bulletin de l'E. F. E. O.*, 1894 trương 218.

Muốn học chữ Tầu và tiếng Tầu một cách dễ-dàng nhanh-chóng thì có sách *Trung-hoa văn hoại* của ông Bằng Nông-Sơn Nguyễn can-Mộng soạn ra, âm nghĩa, mẹo luật đầy đủ, rõ ràng.

Xin giới-thiệu cùng độc giả.

Kỳ sau :

Phê bình« *Làm tiền*» của Trọng Lang
HỘI-THỐNG *viết*
Thăm trại «Thanh niên» Tương mai.
Của MINH TUYỀN
Để giúp công cuộc khai hóa, thanh niên trí thức cần phải gần gụi dân quê. Của HOA BẰNG

HẬU-QUÂN

LÊ-CHẤT

(1768 - 1826)

của NGUYỄN TRIỆU

I

LÊ-CHẤT, người huyện Phù-mỹ, tỉnh Bình-định, (1) theo Tây-sơn làm chức Đô-đốc dưới trướng Lê-Trung. Trong những khi thi võ thử tài cao thấp, bao giờ Chất cũng hơn và được người ta khen là một tay thiện-chiến. Thấy Chất có tài, Lê-Trung bèn gả con gái là Thị-Sai cho.

Năm Đinh-tị 1797, Tiên phong đinh Nguyễn-triều là Nguyễn văn-Tính giữ đất Điên-khánh, Lê Chất biết sức Tây-sơn không thể thắng được, bèn khuyên Trung ra hàng. Trong khi Trung còn trù-trừ chưa quyết thì Chất khiến người đem thơ cho Tính và hẹn sẽ làm nội-ứng để bắt Trung. Tính đem thơ của Chất dâng lên vua Nguyễn. Ngài phán rằng: « Chất là người giảo-hoạt, chưa chắc đã thật bụng xin hàng ». Nhưng việc tiết-lộ, Trung biết trước nên việc không thành.

Đến năm sau, mậu-ngọ, 1798, vua Cảnh-Thịnh là Nguyễn Quang-Toản ngờ Lê Trung đứng chủ mưu trong việc Tiền-triều Nguyễn-Bảo (2), làm phản, sau khi đã triệu Lê Trung về Phú-xuân giết đi rồi, lại còn muốn tầm nã cả Lệ Chất mà giết nữa. Lê Chất phải tìm một tên quân diện-mạo giống mình cho uống thuốc độc chết, rồi giả làm như Chất chết vậy. Bà mẹ là Đào-thị cũng tưởng là Chất chết thật, lăn khóc rất thảm thiết. Rồi Chất bí-mật đưa mẹ và vợ con vào ẩn ở trong núi Trà-đông

Được ít lâu, nhân có người biết Chất giả chết, bèn nói với Tổng-quản Tây-sơn là Lê văn-Thanh rằng *Lê-Chất có tướng tài, sao lại không thu dùng để thêm một tay?* »

Thanh xưa nay vẫn có ý hâm mộ Lê-Chất, bèn giả nhời lại rằng: «Nay Chất đã ra người thiên-cổ rồi, còn làm sao mà thu-dùng được? »

Người ấy lại nói: « *Nếu cần dùng thì Chất còn sống mà nếu chẳng dùng thì Chất chết vậy.* »

Thấy nói vậy, Thanh lấy làm kinh ngạc và hỏi hết cả các sự-trạng của Chất. Người kia nói qua cho biết rồi cách đấy một lúc dẫn Chất vào ra mặt Thanh.

Thanh lấy làm vui sướng vô cùng hỏi đùa chất rằng: « *Thật Lê-Chất đây hay là ma quỷ thế?* » rồi kéo lên giường cùng ngồi ăn uống. Đoạn giữ Chất ở lại trong quân trông-nom binh-tốt.

Năm kỷ-mùi 1799, vua Nguyễn thân chinh ra đánh Qui-nhơn. Sau khi đại binh Nguyễn-triều tiến đánh Thị-giã, Thiếu-uý Tây-sơn là Trương Tiến-Thúy thua chạy và đô-đốc là Nguyễn-Thực bị chém chết, Lê-Chất bèn cùng 200 quân bản-bộ quy hàng nhà Nguyễn, xin ra sức vì triều đình, Nguyễn vương cho Chất theo hậu quân, Võ-Tánh sai khiến và chu cấp tiền gạo cho Đào-thị là thân-mẫu Chất cùng với gia-quyến của Chất về tạm ở đồn Nhạn-tử, để sau sẽ cho cả về Gia-định.

Quân Nguyễn tiến đến sát thành Qui-nhơn, bổ vây. Thái-phó bên địch là Lê văn-Ứng ra thành trước để đến Tây-sơn vận binh lương và làm thế ỷ-giốc. Võ-Tánh liền sai Nguyễn-đức-Xuyên làm tả-đạo, Lê-Chất làm hữu-đạo, còn mình thì quản-đốc trung đạo đón đường đánh Lê văn-Ứng ở Kha đáo, bắt được 50 con voi và 6.000 quân. Ứng chạy thoát được. Đại-binh nhà Nguyễn lại tiến vây thành Qui-nhơn, Tổng-quản Tây-sơn là Lê-văn-Thanh và Binh-bộ thượng-thư là Nguyễn-đại-Phác phải nộp thành xin hàng. Nguyễn-vương vào thành, an ủi quân-sĩ, đổi lại tên thành Qui-nhơn là Bình-định. Rồi nhà vua cho kén quân ba huyện đặt ra năm đồn quân ngự-lâm, cho Lê-Chất làm Tả-đồn Đô thống-chế để theo dưới quyền chỉ-huy của Võ-Tánh mà giữ thành.

Tháng giêng năm canh-thân 1800, Tả-đồ Võ-văn-Dũng và Thiếu-phó Trần Quang-Điệu tự Phú-xuân đem đại binh thủy bộ vào vây thành Bình-định. Điệu đem bộ binh đóng ở Bến đá và Dũng thì đem hơn một trăm chiến thuyền chặn cửa Thị nại để giữ không cho quân Gia-định ra cứu được.

Trong khi thành Bình-định bị quân Tây-sơn vây khốn, Võ-Tánh tuy đã biết Lê-Chất là một tướng tài, song vẫn có lòng nghi ngờ, nên cứ đóng chặt cửa thành không ra khai chiến. Lại sai Lê-Chất về Gia-định, chờ lệnh điều-khiển và tâu tình-hình bên địch để Nguyễn-vương biết...

Sang đến tháng năm năm sau, Tân-dậu, 1801, Nguyễn-vương mang đại binh ra đánh Phú-xuân. Thủy-sư nhà Nguyễn vào cửa Tư-dung. Tướng Tây-sơn là Phò-mã Nguyễn-văn Trị đem quân lập đồn trại giữ ở núi Qui-sơn tức là Linh-thái rất chắc-chắn, nên quân Nguyễn không sao tiến được. Tiền quân nhà Nguyễn có Lê-Chất và Lê-văn-Duyệt đánh mãi không vỡ.

Đến hôm sau, Lê-văn-Duyệt phải dùng kế của Lê-Chất mới đánh phá được quân địch, bắt sống được Phò-mã Nguyễn văn-Trị và Đô-đốc

Phan văn-Sách cùng 500 quân. Đại binh nhà Nguyễn liền kéo thẳng và cửa Nguyễn-hải tức là của Thuận, rồi tiến vào Phú-xuân. Qua ngày hôm sau là mồng ba, Nguyễn-vương khắc-phục thành-đô

Vua Cảnh-Thịnh là Quang-Toản chạy ra Bắc, Lê-Chất phụng-mạng đem bộ - binh và Nguyễn văn-Trương đem thủy-binh đuổi theo. Song sau khi thủy quân của Trương vào đến Linh - giang và bộ binh Chất đến châu Nam Bố-chính (3) thì Quang-Toản đã sang được sông và chạy thoát rồi, Chất chỉ bắt được hai quả ấn đem về dâng nộp.

Trong hàng chư-tướng có người đổ lỗi cho Lê Chất không chịu gắng sức đuổi và cố-ý trì-hoãn để cho Quang-Toản chạy thoát được; đó là tại ở « lòng người » chứ không phải tại « giời » vậy. Song Nguyễn-vương không tin và bỏ qua việc ấy,

Bấy giờ Trần Quang-Diệu ở Bình-định nghe tin Phú-xuân đã thất-thủ, bèn sai Tư-khấu tên là Định đem 5.000 quân lên theo đường núi[1] ra cứu-viện. Nguyễn-vương liền sai Lê văn-Duyệt cùng Lê Chất đón đánh. Định đánh không lại, thua chạy vào rừng chết. Quan-quân bắt được tướng Tây - sơn là Lê văn-Từ 4.

Từ vốn là anh vợ Lê Chất, nên cũng xin hàng. Còn trong số những binh tướng Tây-sơn bỏ trốn, Chất trước sau chiêu-tập họ về hàng nhà Nguyễn rất nhiều.

Cách đấy mươi hôm, Lê Chất lại cùng Lê văn-Duyệt và Tống viết-Phúc phụng-mạng đem quân vào cứu thành Bình-định.

Còn nữa

NGUYỄN TRIỆU

1 *Đại-Nam chích-biên liệt-truyện*, sơ tập, quyển 24.

2. Năm Nhâm-tý 1792, sau khi vua Quang - Trung mất rồi, con là Quang-Toản lên nối ngôi ở Phú-xuân tức là vua Cảnh-Thịnh. Vì thành Quy-nhơn bị đại-binh nhà Nguyễn vây khốn, Nguyễn Nhạc cho người ra cầu-cứu Phú-xuân. Vua Cảnh-Thịnh bèn sai bọn Thái-úy Phạm-công-Hưng, Hộ giá Nguyễn văn-Huấn, Đại-tư-lệ Lê Trung và Tư-mã Ngô văn-Sở đem đại-binh vào cứu thành Quy-nhơn. Sau khi giải được vây, bọn Phạm-công-Hưng kéo quân vào thành, rồi nghiễm-nhiên chiếm giữ lấy và tịch thu cả kho-tàng.

Vua Thái-Đức là Nguyễn Nhạc thấy vậy, tức giận mà chết vào mùa đông Quý-sửu 1793. Nhạc làm vua được 16 năm.

Khi được tin vua Thái-Đức đã mất, vua Cảnh-Thịnh bèn phong cho con Nhạc là Nguyễn-Bảo làm Hiến-công và cho ăn lộc một huyện, gọi là Tiểu-triều và để Lê Trung cùng Nguyễn văn-Huấn ở lại giữ thành Quy-nhơn.

Năm Mậu ngọ 1798 Tiểu - Triều Nguyễn Bảo cầm tức Nguyễn Quang-Toản chiếm giữ mất đất Quy-nhơn, bèn định quy-hàng nhà Nguyễn. Vua Cảnh-Thịnh biết mưu ấy, liền sai tướng vào bắt Nguyễn-Bảo đưa về Phú-xuân gìm xuống sông mà giết đi. Sau lại có kẻ nói gièm-pha rằng việc Tiểu-Triều toan làm phản đó là tại trấn-thủ Lê-Trung. Vua Cảnh-Thịnh bèn triệu Lê-Trung ra Phú-xuân, rồi sai võ-sĩ bắt trói đem chém. Cách ít lâu, thiếu-phó Nguyễn văn-Huấn cũng bị giết nốt.

3 Phía nam tỉnh Hà-tĩnh bây giờ.

4 Lê văn - Từ, người huyện Hương-trà, phủ Thừa-thiên, là con giai của Lê-Trung, Tư-lệ Tây-sơn, giỏi võ nghệ. Sau khi Tư-khấu Định ra đánh Phú-xuân, thua chạy chết trong rừng, Từ quy-hàng nhà Nguyễn, được thụ-dụng và phong làm Tiền-phòng đinh Trung-vệ Vệ-úy.

Đến đời vua Minh-mạng thứ 5, Từ được thăng Chưởng - cơ rồi vào làm Trấn-thủ Biên-hòa, sau mất ở đấy.

Sáng đồng quê

Man-mát trời xa gió trở về.
Bình - minh thức tỉnh đám sương khuya.
Nắng mơ rải áo trên đồng ruộng.
Luống đất hơi nồng cụm lá tre.
Lá ngả màu non lớp sóng vờn,
Hàng tre ngất - nghểu đứng chơn-vơn.
Đôi chim ríu - rít hòa chung tiếng.
Lưng rậu đùa nhau, bướm chập-chờn.
Một vài thôn nữ chít khăn vuông,
Gánh nặng cùng nhau bước bước dần...
Miệng thầm nhai trầu duyên thầm được.
Trên bờ nhỏ hẹp... vết chân thon

CÔ CẨM-LAI

Lúa đồng

(Lối thơ Nam-đàn bát châu)

Tang-tảng sáng, vầng đông lấp lánh,
Lặng nhìn xem phong cảnh chốn giao-nguyên :
Chiều mạch-khí, lớp chiêu-yên,
Nổi làn sóng lúa, gợn mền trời xanh.
Giặng non Sở, rành-rành cây cỏ-thụ.
Khúc ngòi La, nho-nhỏ dịp cầu vồng
Hương thơm hòa với gió đông,
Kia khóm lúa tốt, đến sông ta giồng...

Tính-Phố NGUYỄN XUÂN-ĐỒNG
La-tỉnh, Hà-đông

THỜI-KỲ THỨ HAI

Từ khi có thơ phú nôm đến khi tiếp xúc với các nhà truyền giáo âu tây

Từ đầu thế kỷ XIII đến thế kỷ XVI

CHƯƠNG THỨ SÁU

Văn học đời Trần

(Nối)

TIẾT MỘT

KHÚC NGOẶT TRÊN ĐƯỜNG VĂN-HỌC

Đang đi trên đường văn-học đời Trần, mới giới-thiệu với các bạn được đời văn-học của hai vị anh-quân hồi Trần-sơ là vua Trần-Thái và vua Trần-Thánh, tại sao đến đây tôi phải ngừng lại một chút mà nêu lên một thời kỳ khác?

Đó vì tôi muốn đánh dấu một nét quan-trọng trên trang văn-học sử để các bạn phải chú ý đến một khuynh-hướng « mới » đã rung động tâm-hồn Đại-Việt, một trào-lưu « mới » đã từ từ chuyển đi đám sĩ-phu trong «thế giới» văn học ta xưa ; ấy là việc từ đời vua Trần-Nhân (1279-1293) trở đi, tiếng nôm được ứng dụng trong văn chương, giới tri-thức đã bắt đầu dùng tiếng mẹ đẻ để ngâm-vịnh, chứ không như trước, từ thơ đến phú nhất nhất dùng toàn chữ hán cả.

Thế là một kỷ-nguyên mới đã mở trong văn-học-giới Đại-Việt.

Vậy, gặp khúc ngoặt trên đường lịch-sử văn-học này, ta cần phải dừng chân một lát, cúi đầu lặng-lẽ một chốc, tỏ dấu kính-cẩn đối với những bậc anh tài đã ra công phá hoang, phát gai-gốc, mở con đường mới-mẻ và dẫy sinh-khí cho đời sau.

Trước khi con đường mới ấy chưa mở, người mình, từ thiên-tử đến sĩ thứ, từ tại gia đến thiền lâm, hễ cất giọng ngâm hay cầm bút viết, không ai chịu dùng đến tiếng Nam.

Trong khi chép sử văn học, chúng ta không thể cứ đem nguyên văn chữ hán mà giới-thiệu ra được. Vì vậy, mỗi khi gặp một câu thơ hoặc một bài văn của tiền nhân, chúng ta đều phải mất công dịch ra Việt-ngữ khiến người ta có cái cảm-tưởng như đang chép một bộ văn học sử của người Tàu hay của người Cao ly, chứ không phải là của người Nam nữa. Nhưng, đó vì thời đại và tình thế bấy giờ đã buộc tiền nhân ta phải đi vào con đường cải cầm như thế. Ta nay cũng phải thể lượng cho cổ nhân cái khổ tâm ấy.

Vì xét rõ như vậy, tôi, trong cuốn văn học sử này, vẫn phải nhìn nhận cả phần chữ hán cũng là văn học của ta, nên đã phát biểu ý kiến trong bài « *Lời đầu* » :

« *Văn học là gì? Món phô bày tư tưởng, tinh thần một dân tộc. Hán tự, quốc văn hay chữ pháp chỉ là hình thức đánh dấu tinh thần đó.*

« *Cái gia tài bằng Hán văn của ông cha mấy nghìn năm nay, vắt bao óc, mòn bao tim, trải bao cơn dâu biển, để lại đến giờ, ta há nỡ quăng đi làm cho thêm nghèo của kho tri thức?* » (T. T. số 2, ngày 10 Juin 1941).

Vì vậy, trước thời-kỳ có thơ phú nôm này, trong cuốn Việt-nam văn-học sử đây, tôi vẫn phải lấy hán-văn làm đối-tượng nghiên-cứu. Mà từ khi có thơ phú nôm trở đi, cuốn văn-học sử này, theo bước đường đã vạch, cũng không đoạn-tuyệt với những sản-phẩm bằng hán-văn mà không nghiên-cứu. Duy một khi đã bước vào

THỬ VIẾT

VIỆT-NAM VĂN-HỌC SỬ

HOA-BẰNG

một kỷ-nguyên mới, có thơ phú nôm ra đời rồi, lẽ đương-nhiên ta phải nên coi những tác-phẩm bằng quốc-văn là phần thuần-túy Việt-văn, để tỏ ra rằng tiếng mẹ đẻ bao giờ cũng quí hơn và những ngòi bút phụng-sự quốc-văn đáng liệt vào địa-vị trọng-yếu trong bộ văn-học sử của nước Đại-Việt.

Dầu vậy, từ đây trở đi, hễ gặp những nhà văn-học nào chỉ có toàn văn-phẩm bằng chữ hán, thì theo cái lệ đã nói ở « *lời đầu* » kia (T. T. số 2), tôi cũng vẫn cứ phải chép đến cả. Thế là có ý tỏ ra rằng dĩ-vãng, hiện-tại và tương-lai vẫn liên-lạc nhau bằng sợi giây « truyền-truyền kế-kế », chứ không phải đến đây là cắt đứt hẳn với quá-khứ mà không cho dính-líu với tương-lai nữa đâu.

TIẾT HAI

TRẦN NHÂN TÔNG (1279-1293)

Trước khi nói đến đời văn-học của vua Trần Nhân, tôi xin thuật qua thời-thế và tình-hình hồi đó để tỏ rằng hoàn-cảnh xã-hội có ảnh-hưởng đến văn-học là thế nào.

Tháng chạp, năm Thiệu-bảo thứ sáu, 1284, có cuộc ngoại xâm kinh-khiếp xông tới : Thoát-Hoan, thái-tử nước Mong-cổ, đem năm mươi vạn binh-mã sang ta, đưa thơ giả đò mượn đường đi đánh Chiêm-thành để chực thỏa-mãn cái dã-tâm muốn nuốt trửng nước Đại-Việt.

Nói đến quân Mông-cổ, ai cũng phải nhìn nhận rằng họ là những quân giỏi cưỡi ngựa và tài bắn cung, dưới quyền chỉ-huy của những tay tướng-tài có thừa trí dũng.

Với quân ấy, Thành-cát-tư-hãn (Gengis Khan), A-lao-đài (Ogotaï) và Hốt tất liệt (Koubilai), kẻ làm, người nối, đã xây được cái « lâu đài » đế quốc Mông cổ một cách đồ sộ vững vàng.

Với quân ấy, người Mông cổ đã giày xéo chà nát biết bao dân tộc : ngang từ Cao ly đến sông Volga, dọc từ Bắc cực đến vịnh Bengale.

Với quân ấy, họ đã quét gió thét mây, làm kinh động suốt cả Âu, Á.

Chẳng thế mà, trước cảnh xâm lăng thảm khốc của họ, ở Ba tư, người Hồi lo rằng lúc ấy là ngày loài người sắp bị tuyệt diệt!

Chẳng thế mà giáo hoàng Innocent IV và vua nước Pháp là Saint Louis đều phải sai sứ sang ngoại giao với Mong cổ.

Thế lực quân giặc mãnh liệt là thế. Thời cục qua nghiêm trọng là thế! Vậy ma, với can đảm và hi sinh, vua Trần Nhân hiệp sức với Thượng hoàng là vua Trần Thánh hăng hái cùng tướng sĩ và nhân dân đương thời quét sạch được bờ cõi : chém Toa Đô, nguyên soái Mông cổ, ở Tây kết, bắt sống được hơn 5 vạn quân Nguyên và làm cho Thái tử Thoát Hoan phải chui trong ống đồng mới trốn thoát được.

Qua năm mậu tí, niên hiệu Trùng hưng thứ tư, 1288, Bạch đằng nổi sóng, quân ta lại phá tan được giặc Mông cổ, bắt sống được Ô mã Nhi! Suốt trong triều đến ngoài nội có thể ngồi rung đùi mà ngâm câu : « *Non sông muôn thủa vững âu vàng* ». (1)

Vua Trần Nhân sở dĩ thành công trong hai trận phá Nguyên, chính vì chủ nghĩa quốc gia đã kích thích hết thảy tâm hồn mọi người thời đó.

Một khi người ta đã thờ chủ nghĩa ấy một cách tận tâm, tất nhiên người ta phải làm cho mọi phương diện trong nước đều phát triển theo cái đích ấy.

Vua Trần Nhân đã để tâm đến quốc văn và có viết ít bài bằng Việt ngữ, một cớ chính, tôi tưởng, cũng vì cái nguyên động lực ấy...

Chứng cớ trọng tiếng mẹ đẻ, tôi đã tìm thấy trên trang sử đời vua Trần Nhân : Năm Trùng hưng thứ tư 1288, nhà vua ra dụ rằng, khi tuyên đọc bài chiếu, Hành khiển ty phải giảng cả âm nghĩa khiến cho người thường và thứ dân dễ hiểu (*Đại Việt sử ký toàn thư*, quyển V, tờ 55 a). Như vậy tỏ ra vị anh hùng hoàng đế đời Trần bấy giờ đã chú trọng đến quốc âm là một thứ lợi khí dễ phổ thông giữa vòng quảng đại quần chúng.

∴

Theo tình thường, khi chính tay mình đã dệt được tấm gấm mà trải khắp non sông, ai chẳng muốn ngồi trên ngai vàng để hưởng cái đẹp, cái sung sướng? Vậy mà vua Trần Nhân Tông coi giàu sang như rơm rác, quăng ngay long cổn, mặc luôn chiếc áo cà sa, len tu tận núi Yên tử (thuộc huyện Đông triều, tỉnh Hải dương). Vua đi tu? Phải, vua đi tu, mà lại tu tại trên một trái núi đi rừng hàng ngày đường, vượt suối những hơn hai chục chiếc mới trèo tới nơi! Cao thượng thật!

Nhờ cái thời gian tu luyện ấy, ngài được hưởng một khúc đời êm đềm như hoa xuân cười dưới ánh trăng, nẩy được những câu văn thơ đầy thanh cao, bóng bẩy.

Trong tập *Thiền tông bản hạnh* có chép bài « Cư trần lạc đạo phú » của ngài bằng quốc âm, dài những 10 hội. Trong có những câu như :

« *Mình ngoài thành-thị,*
« *Nết dụng sơn-lâm.*
« *Muôn nghiệp lặng, an-nhàn thể-tình.*
« *Nửa ngày rỗi, tự tại thân tâm.*
« *Tham đi nguồn đỉnh : chẳng còn nữa châu yêu, ngọc quí.*
« *Thị phi tiếng lặng, được dầu nghe ẻn thuyết, oanh ngâm*
« *Chơi nước biếc, ẩn non xanh, nhân gian có nhiều người đắc ý.*
«*Biết đào hồng, hay liễu lục, thiên hạ năng mỗ chủ tri âm...* »

(Đệ nhất hội)

Và :

« *Núi hoang rừng quạnh, ấy là nơi dật sĩ tiêu dao.*
« *Thiền vắng am thanh, chẳng thực cảnh đạo nhân du hỉ*
« *Ngựa cao, tán cả, Diêm-vương nào kể đứa nghênh ngang!*
« *Gác ngọc, lầu vàng, ngục-tốt thiếu chi người yêu quí?..* »

(Đệ thập hội)

Để khuyên người ta cải quá qui y, ngài có lắm câu đặt rất gần gặn :

« *Buông lửa giác-ngộ, đốt hoại bỏ rừng tà ngày trước*
« *Cầm kiếm tri tuệ, quét cho không tình thức thủa này...* »

(Đệ thất hội)

Lại như :

« *Nguyện mong thân cận minh sư, quả bồ-đề một đêm mà chín.*
« *Phúc gặp tình cờ tri thức, hoa ưu-đàm mấy kiếp đâm bông* ».

(Đệ tam hội)

Còn nữa

HOA-BẰNG

1) Câu thơ của vua Trần-Nhân kỷ niệm việc đánh thắng giặc Nguyên ; « Sơn hà thiên cổ điệu kim âu ».

Thời-đàm

Anh-Mỹ sửa-soạn gấp để lập một chiến-tuyến thứ hai

Nhật-Nham

CỨ mỗi lần tình-thế quân-đội Nga bị nguy trước sức tấn-công của Đức là một lần vấn-đề lập chiến-tuyến thứ hai làm sôi nổi dư-luận các nước Đồng-minh.

Lập chiến-tuyến thứ hai, mục-đích cốt chia lực-lượng quân Đức, giúp Nga kéo dài cuộc kháng chiến. Đã bao phen vấn-đề binh bị này từng được các giới quân-sự bàn đi xét lại mà vẫn chưa giải quyết xong, khiến hoàn-cầu phải ngạc-nhiên về thái độ do dự của Anh-Mỹ trong cuộc liên minh với Nga-sô-viết.

Gần đây, Đức khởi thế công trên khắp các mặt trận Âu-châu và Phi-châu Cuộc đại tấn công của quân-đội Đức vào nội địa Nga sô viết mãnh liệt hơn cuộc tấn công năm ngoái và đã đưa lại cho đảng Quốc-xã Đức nhiều kết quả tốt-đẹp. Các thành trì miền Nam-Nga đã lần-lượt lọt vào tay quân đội Đức, mà những cuộc hành binh ở khu Bắc-Nga và Trung-Nga cũng không phải không dữ dội.

Quân Đức đem toàn lực đánh vào đất Nga, muốn chóng kết liễu cuộc chiến tranh với Nga, trước khi Anh-Mỹ lập được chiến tuyến thứ hai. Dân Nga đều cho rằng cuộc kháng chiến của Hồng-quân đã cứu vãn tình-thế đảo Malte. Kinh thành Sébastopol kháng chiến rất mãnh-liệt làm cho Đức không còn dư lực để đánh phá đảo Malte của Anh trong Địa trung hải.

Quân đội Nga trong khi đem tính mệnh hi sinh trên chiến địa vẫn mong chờ được quân Đồng-minh cứu viện. Các giới Nga đều lo ngại chẳng bao lâu miền Caucase với các mỏ dầu sẽ lọt vào tay Đức, các đường giao thông với xứ Iran sẽ bị bế-tắc, khi đó quân-đội Nga sẽ bị cô lập, dù có muốn lập mặt trận thứ hai cũng muộn lắm rồi!

Hãm vào tình thế nguy ngập, lo một mình không thể kháng-chiến lâu với sức mạnh của Đức, Nga đã cấp bách đòi Anh-Mỹ kíp mở thêm mặt trận thứ hai để giải nguy cho quân đội Thống-chế Timochenko hiện đương lâm vào cảnh tuyệt vọng. Toàn-quốc Nga đều sôi nổi mong mặt trận thứ hai chóng thực hiện, vì mặt trận thứ hai không những cứu vãn tình thế quân đội Nga, mà còn giúp cho Đồng-minh nắm chắc cuộc toàn thắng sau này. Hiện nay, người Nga bắt đầu công nhận chiến tuyến thứ hai sẽ là sự thực, nhưng họ tự hỏi tới bao giờ mặt trận mới ấy mới thực hiện và tới ngày ấy có còn công hiệu nữa chăng?

Nhưng lần này vấn đề mặt trận thứ hai không còn là câu truyện phiếm nữa.

Hoa-kỳ rất chú trọng đến mặt trận Nga và tỏ ý lo ngại. Tại Hoa-kỳ, không những các nhân-viên đảng Cộng-sản, các giới thân Nga, mà tất cả các phái đảng, các giới xã hội đều sốt-sắng yêu cầu Chính-phủ lập ngay mặt trận thứ hai, trong lúc Nga đương lâm nguy và qua bao cuộc thất bại từ Léningrad đến Hắc-hải.

Các báo Anh, cũng như các báo Hoa-kỳ, đều hô hào Chính-phủ kíp lập ngay mặt trận thứ hai, không nên trì hoãn.

Dư luận Úc lúc này cũng thiên hẳn về việc mở mặt trận thứ hai tại Âu châu, vì mặt trận này có ảnh hưởng đến cuộc sống-còn của Đồng-minh, hơn là mặt trận Thái-bình-dương.

Muốn Anh-Mỹ bỏ thái-độ do-dự kíp lập ngay chiến-tuyến thứ hai, nên gần đây Nga hết sức vận-động với Luân-đôn và Hoa-thịnh-đốn về vấn-đề cần-thiết ấy để rút bớt sức tấn-công của Đức trên đất Nga.

Anh-Mỹ đã công-nhận việc khẩn-cấp ấy rồi, nên có tin trong vòng mấy tuần-lễ vừa qua, Hoa-kỳ đã làm gấp việc tải quân sang Âu-châu: Một số quân-đội quan trọng hơn trước đã do các chiến-

ĐÔNG-TÂY THƯ QUÁN
195, phố hàng Bông Hanoi

Đã có bán

Mẹo chữ Hán

một cuốn sách mà ai ai dù đương học chữ Hán hay đã biết thông chữ Hán cũng đều phải xem

Giá 0$85 cước 0$06

Gửi bằng tem (cò) cũng được. Không gửi lối lĩnh hóa giao ngân

hạm đưa đến các quân-cảng Ái-nhĩ lan. Theo tin chính-thức thì số quân Mỹ đã đổ bộ lên đất Anh có tới 60 vạn. Vì vậy người ta ước đoán từ nay đến đầu tháng Septembre, sẽ có thể có tới một triệu quân Hoa-kỳ trên đất Anh để sẵn-sàng ra trận.

Theo bản chương - trình lập chiến-tuyến thứ hai, trong có đủ các phương-pháp hành-quân, thì những nơi tiện-lợi nhất cho cuộc đổ bộ lên mặt Âu-châu sẽ là đất Hà-Lan hay Bỉ-lị-thì. Một cuộc tấn-công từ miền duyên-hải hai xứ ấy sang Đức sẽ rất nguy cho Đức. Đồng - minh sẽ khởi thế công với 2 triệu quân Anh và hơn nửa triệu quân Mỹ, một số quân-đội rất đủ để lập mặt trận mới này, theo các nhà quan-sát quân-sự. Những quân đổ bộ sẽ không phải dùng tàu to thuyền nhớn, mà chỉ cần tầu nhỏ để qua bể Manche.

.·.

Về phần Đức, Đức chỉ có ít quân và phi - cơ tại Tây - Âu Tại Bỉ, Đức chỉ có 10 đến 15 sư - đoàn, tức là 20 đến 30 vạn quân.

Có nhẽ quân Đồng-minh, sau khi đổ bộ, chưa có đủ lực-lượng để khởi cuộc tấn-công vào trong nội-địa Đức. Nhưng một khi quân đội Anh-Mỹ đã đứng vững trên mặt trận. Hà-lan và Bỉ, bộ tự-lệnh Đức sẽ phải rút một phần lớn quân-sĩ từ mặt trận Nga về để đương đầu với địch-quân.

Nhưng đó mới là ở trong thời-kỳ dự-định mà từ dự định đến thực - hành, đường còn nhiều bước khó khăn. Hiện nay tại Nga, quân Đức vẫn thắng lợi và tiến một cách mau-chóng. Miền Caucase sắp bị nguy đến nơi và không lúc nào bằng lúc này tình-thế Nga rất nghiêm trọng.

Tùy-viên lục-quân Nga ở Luân-đôn mới hội-đàm với các nhân-viên trong Nội-các chiến - tranh Anh và Đại-sứ Mỹ, yêu-cầu Anh-Mỹ kíp tìm các phương-pháp giải nguy cho Hồng-quân.

Đứng trước tình thế nguy cấp của Nga, các nhà chuyên môn quân sự Hoa - kỳ lại một phen tranh luận về việc giúp Nga.

Một ít người quả - quyết cần phải mở chiến-tuyến thứ hai; nhưng trái lại, một số khác lại bàn nên đem đại đội phi-cơ tàn-phá đất Đức : không những có thể giúp Nga, mà còn thắng Đức nữa.

Phái đồng-ý mở mặt trận thứ hai viện cớ rằng : Đồng-minh có 45 triệu tấn tầu đủ dùng để vận-tải quân đội và chiến - cụ sang Âu châu. Phái phản đối thì cho rằng số tàu không đủ để tiếp-tế cho 2 triệu quân. Nhiều nhà chuyên môn quân sự yêu-cầu nên đem phi cơ phá đất Đức, nhất là lúc này Hoa-kỳ có thể đưa phi công và phi-cơ bay thẳng sang Anh qua Đại - tây - dương, không cần tới tầu vận-tải.

Thế là vấn-đề lập mặt trận thứ hai cũng chưa giải quyết ra sao.

Mà trong khi Đồng minh bàn đi tính lại như vậy, tại Nga quân Đức vẫn hoạt động, thành trì Nga lần lượt bị chiếm đóng.

Đến khi Anh-Mỹ thu xếp xong, liệu chiến-tuyến thứ hai có còn công dụng nữa chăng ?

NHẬT-NHAM

Tri - Tân sẽ lên giá kể từ 1er Aout 1942

Vì giấy in báo càng ngày càng đắt, và tổng phí về việc làm báo mỗi ngày một tốn hơn, nên các báo ở Nam đều phải tăng giá, mà các bạn hằng ngày ở Bắc đây cũng đều ra có hai trang.

Đứng trước tình thế khó khăn này, bản chí cũng không thể cứ làm một việc hi sinh vượt quá sức mình mãi nên cần phải trông mong ở sức cộng tác của các bạn đọc.

Không muốn làm việc rút trang, tất phải nhích giá thêm lên đôi chút cho khỏi lỗ. Vậy bắt đắc dĩ kể từ 1-8-1942 đây, giá báo sẽ tăng và tính như sau :

Một năm	6 tháng	3 tháng
8$50	4$50	2$35

Bán lẻ *mỗi số 0p20*

Ngoại quốc và công sở tăng gấp đôi.

Tuy vậy đối với các bạn nam nữ học sinh bản chí cũng sẵn lòng tính bớt 20·/.

Còn các bạn đọc ai mua và giả tiền trước ngày 1er Août 1942 cũng vẫn theo giá cũ là :

Một năm	6 tháng	3 tháng
6$80	3$50	1$80

Một khi các bạn đã có lòng yêu mà đứng bên ủng hộ, chắc cũng không kỳ quản gì về sự thêm lên mấy xu ấy.

Vậy mong các bạn đọc vui lòng thể tất cho. Đa tạ trước.

TRI-TÂN

Tin vắn hằng tuần

QUỐC-TẾ

Các đoàn hải quân Nhật đã đánh đắm và làm hư hỏng 366 chiếc tầu bên địch trong 7 tháng vừa qua. Đức dùng những phi cơ không động cơ chở được hàng 100 quân nhẩy dù để đánh Nga. Rostov đã bị công hãm ba mặt. Đức báo tiền quân đánh cách sông Volga 80 cây số. Ở khu Voronej, Hồng quân làm chủ tình thế.

Quân Đức đã vượt qua được hạ lưu sông Don. Và đã đánh tan được sự cầm cự của quân địch ở gần Rostov.

Một thương thuyền của Mỹ bị đánh đắm.

ĐÔNG-DƯƠNG

Vụ khai trường này, Đông-dương Học-xá sẽ có một khu đầu tiên của Học-xá và thu nhận được 80 sinh-viên. Đã quyên được hơn một triệu bạc. Bắt đầu từ 15 Juillet, không quyên tiền nữa, nhưng ai gửi giúp, quỹ Học-xá vẫn nhận.

Tại Saigon hôm 18 juillet Đông-dương và Nhật đã ký hiệp-ước kinh-tế năm 1942 là một hiệp-ước có lợi cho cả Nhật lẫn Đông-dương và giúp ích vào việc mở mang các nguồn lợi trong khu vực thịnh vượng chung.

Hiệp-ước định rằng Nhật xuất-cảng sang Đông-dương những thứ cần thiết như tít-suy, bông và các hàng hóa cần khác, bù lại, Đông-dương xuất-cảng sang Nhật những gạo, ngô cùng các thứ khác.

Hội-nghị liên-bang Đông-dương khai mạc từ hôm 15 juillet tại Saigon ; sáng hôm 18 juillet hồi 9 giờ, đã họp phiên bế mạc.

Chương-trình sửa sang thành-phố Hanoi hiện đang dự định. Tất cả các khu phố buôn bán của ta chỉ có hơn 2% nhà là đủ điều-kiện để làm lại. Một khi chương-trình sửa sang đã thi hành, nếu nhà nào muốn làm lại thì phải có đủ điều-kiện sau đây : diện-tích 169 thước vuông và bề mặt phải rộng 6 thước rưỡi.

Hiện ở tòa Đốc-lý đã có để quyển sổ thứ ba để cho dân đến ghi tỏ ý kiến về việc sửa đổi này «tiện nay không tiện».

Còn đất ở các làng ngoại ô và ở nhiều phố thì phải làm nhà có vườn (villa). Villa kiểu nam phải theo các điều-kiện sau đây. : diện tích 390 thước vuông, bề mặt phải rộng 13 thước. Tuy vậy đất làm nhà để ở chỉ được có 36% thôi, nghĩa là trong số 390 thước vuông ấy chỉ được làm nhà ở trên một khoảng rộng 140 thước vuông, còn thì để làm vườn. Nhà chỉ được làm cao 10 thước và phải làm kiểu đặc Annam, phải dùng ngói ta hay Tàu.

Villa kiểu Tây phải theo các điều-kiện sau đây : diện tích 510 thước vuông, bề mặt phải 18 thước.

Hai nhà làm liền nhau thì mỗi nhà diện tích phải 329 thước vuông và bề mặt là 11 thước. Khu làm nhà ở cũng không được quá 36% số đất toàn thể.

Bắt đầu từ hôm 20 juillet, một trại thanh-niên (camp de jeunesse) do tỉnh Kiến-an tổ chức, đã thành lập ở làng Đồ-hải thuộc Đồ-sơn. Trại này chỉ dành riêng cho các ông hương-sư toàn tỉnh thôi, người ngoài không ai được dự cả.

Ông giáo Đàm Trọng-Thản được cử làm trại trưởng. Giúp việc ông này còn có mấy ông tốt nghiệp trường Võ-bị Phan-thiết và lực-sĩ nữa. Số người ở trại có tới ngoài 200, nên về sự tổn phí không kém 3000 bạc vì trại sẽ mở trong một tháng.

Đê Sông-cầu bị vỡ ở phủ Đa-phúc, hơn 20 làng bị ngập. Cống Đại-liễn ở cách Đáp cầu 2 cây số bị nước sói bật một cánh, làm cho nhiều làng thấp ở gần cống đã bị ngập lụt.

Chống nạn thất học

Để cổ động chống nạn thất học, hội *Truyền bá chữ quốc ngữ*, tối 23 juillet 1942, có mở cuộc nói chuyện tại hội quán Trí tri, Hà nội.

Từ 8 giờ rưỡi tối đã bắt đầu. Tôi đến khi muộn !

Một cái cảm động : diễn giả ông hội trưởng Nguyễn văn Tố, một mắt bên tay trái còn bịt bông vì có mụn phải mổ, đang sang sảng nói về vấn đề «công-chức với công cuộc xã hội».

Sức nóng bức quá độ của một buổi tối hè càng như thúc giục tấm lòng sốt-sắng hoan nghênh của thính giả :

Từ các hàng ghế trong nhà hội đến các mặt tường bao lan, người ta ngồi, đứng chật ních. Phần nhiều là các nhà tòng sự và giới thanh niên.

Trịnh trọng trong bộ quốc phục trắng, có duyên sau làn kính đen, ông Ứng-Hòe đã nói đến chỗ tôn chỉ của hội T. B. Q. N. Đại ý : Hội này chỉ theo đuổi một mục đích dạy quốc ngữ cho những người thất học, chứ không động chạm tí gì đến chính trị hay tôn giáo. Quốc-ngữ là thứ chữ rất dễ dàng tiện lợi, người học chỉ độ một hai tháng là có thể biết đọc, biết viết ngay.

Nó không khó như chữ Nôm xưa : phải là người biết chữ nho mới đọc nổi, mà lắm khi lại dễ lầm lẫn, như cùng một chữ « quyên » : có khi đọc là « quên », có khi cũng đọc là « quen », khác nghĩa nhau nhiều lắm.

Rồi diễn-giả nói đến lai lịch chữ quốc ngữ, một phần do người Bồ-đào-nha, một phần do người Nam ta góp sức vào việc đặt chữ, đến ông Alexdandre de Rhodes tham-bác và sửa sang mà làm ra sách quốc-ngữ.

Diễn-giả mong giới thanh-niên trí thức nên giúp hội mà làm công việc truyền bá thứ chữ ấy. Ngày xưa đi học để làm quan, để vinh thân phi giá ; nhưng thanh niên bây giờ đi học để *biết*, để *tiến*, chúng tôi rất mong toàn thể thanh-niên được đúng như lời kỳ vọng ấy. Diễn-giả lại nói đến việc làm sách : bây giờ ít có sách hay, phần nhiều chỉ là tiểu-thuyết ! Dưới ảnh hưởng ấy, những hạng học trò ít tuổi rất dễ trở-nên lãng mạn !

Sau những chàng pháo vỗ tay nhiệt liệt hoan nghênh ông Hội trưởng, một đoàn ca Huế trong khu vườn bầy những chậu cây, nhịp nhàng đàn ngọt hát hay, làm cho thính giả thêm hứng thú.

Đến lúc gần tan, ông Nguyễn duy Tinh hội viên T. B. Q. N lớn tiếng mời mọi người dự vào những ban của hội như ban *dạy học*, ban *khánh tiết*, ban *cổ động*, ban *làm sách*.

Kết thúc cuộc nói chuyện bằng những tiếng vỗ tay ròn-rã.

Người ta vui vẻ ra về dưới ánh trăng trung tuần vằng vặc. Tôi nảy một ý nghĩ : có lẽ H. T. B. Q. N. nên dùng mặt trăng làm dấu hiệu cho Hội, lấy nghĩa soi chiếu những nơi tối tăm bằng một ánh sáng êm mát dịu dàng.

Tiếc rằng kỳ báo này đã lên khuôn, không đủ chỗ để thuật kỹ hơn nữa

PHÓNG VIÊN

Bia Văn-miếu

Những ông nghè triều Lê

Số 29 **Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ**

ÔNG *Nguyễn cư-Đạo* (xem *Tri-tân*, số 29, trang 3) làm quan đọc quyển khoa bính-tuất năm 1466, là người làng Đông-khối, huyện Gia-định, tỉnh Bắc-ninh. Đỗ đồng-tiến-sĩ khoa nhâm-tuất năm 1442. Khoảng tháng ba năm Quang-thuận thứ tám, tức là năm 1467, vua Lê Thánh-tôn 1460-1497, cho làm ngự-sử-đài-đô-ngự-sử, quyền Hộ bộ thượng-thư, tri kinh diên-sự. Vua dụ rằng: «Trẫm lúc nhỏ cùng nhà ngươi giao-du; kịp khi trẫm lên ngôi báu, nhà ngươi hầu chức kinh diên: nghĩa vua tôi, tình bè bạn, ngươi nên hết lòng hợp sức, lo toan báo nước, rất công chớ riêng, ngăn lấp đường hối-lộ, thì trẫm được tiếng là ông vua biết dùng người, ngươi được tiếng là người bầy tôi hết lòng trung: thân danh hiển dương, được rỡ ràng trong sử sách, há chẳng tốt lắm thay! Nếu không thế thì trẫm mang tiếng là ông vua không biết người, ngươi là bầy tôi giữ vị hão! Hai điều ấy, người nên chọn lấy mà theo». Lời vua dụ trong *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển 20, tờ 15a, thì như thế. Bộ *Đại Nam nhất thống chí*, quyển *Bắc ninh*, tờ 31b, chép rằng vua Lê Thánh-tôn thường khen ông Nguyễn cư-Đạo là «người hết lòng báo nước».

Ông *Vũ vĩnh-Trinh* (xem *Tri-tân* số 31, trang 5) cũng làm quan đọc quyển khoa bính-tuất năm 1466, là người làng Thiết khoán, huyện Thiên bản, phủ Kiến-hưng, tỉnh Nam định. Tên tự là Hựu chi. Đỗ giáp đẳng khoa minh-kinh năm kỷ dậu 1429, hiệu Thuận thiên thứ hai, đời vua Lê-Thái-tổ, 1418-1433. Bổ làm giáo thụ nho học lộ Bắc giang. Trong đời Quang thuận, 1460-1469, dần-dần thăng Hàn lâm-viện học-sĩ, làm chức tham-tri ở ty tuyên-chính-sứ đạo Hải tây, kiêm Bí thư giám học sĩ. Bộ *Khâm định Việt sử*, quyển 20, tờ 21b, chép rằng mùa hạ tháng tư năm Quang-thuận thứ tám, tức là năm 1477, vua Lê Thánh-tôn theo lời ông Vũ vĩnh-Trinh ban bản in sách ngũ kinh cho Quốc-tử-giám. Bộ *Toàn-Việt thi lục* của ông Lê quí Đôn, quyển 10, tờ 2a, còn chép sáu bài thơ cận thể của ông, đề là *Châu sơn*, *Cổ pháp lăng*, *Đăng Yên phụ sơn*, *Tiễn đồng niên Trinh công Bắc-sứ*, tiễn bạn đồng niên là Trinh-công, tức Trinh thuấn-Du đi sứ Tàu, *Khước địch từ*, đền thờ Trương-Hống, Trương-Hát, *Quá Nhuận-Hồ cố đô hoài cổ*, *phụng họa ngự chế*, phụng họa bài thơ ngự chế qua đô cũ nhà Hồ nhớ cảnh xưa, (chép theo *Đại-Nam nhất-thống-chí*, quyển Nam định, tờ 22a, *Toàn Việt thi-lục*, quyển 10, tờ 2a, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển 20, tờ 21b).

Ông *Đàm văn-Lễ* làm bài văn bia đề tên tiến sĩ khoa bính tuất năm 1466, là người xã Lãm sơn, huyện Quế dương. Tên tự là Hoằng Kính, tên hiệu là Chân-Trai. Năm mười tám tuổi đỗ tiến-sĩ khoa kỷ-sửu hiệu Quang-thuận thứ mười, tức là năm 1469. Tuyển vào Đông-các, phụng mệnh đi xứ, được yêu dùng trọng đãi. Vua Lê Thánh-tôn cùng thái-tử, các tước vương và trăm quan, làm thơ văn, thường khiến ông phê bình. Làm quan đến Lễ-bộ thượng-thư tả-dụ-đức, kiêm Đông-các đại-học-sĩ. Làm tể-tướng triều vua Hiến-tôn, 1497-1504, và vua Túc-tôn, 1504, nhận tờ di-chiếu giúp vua sau. Đến đời Uy-mục-đế 1504-1509, giận ông trước không lập mình lên ngôi, đầy ra làm thừa-tuyên-sứ Quảng-nam, rồi sai trung-sứ bắt bức gieo mình xuống nước. Tương-dực-đế 1509-1516, lên ngôi, truy phong và tế điếu. Cháu nội là Đàm văn-Tiết đỗ tiến-sĩ khoa canh-thìn, năm thứ ba hiệu Diên-thành nhà Mạc, tức là năm 1580.

Ông Đàm-văn-Lễ có ba-mươi nhăm bài thơ cận-thể chép trong *Toàn-Việt thi-lục*, quyển 11, tờ

Xem tiếp trang 19

Sách khảo cứu

Truyện đức Khổng-tử.— Thuật trọn đời hy-sanh và tận tụy về phong-hóa, đạo-nghĩa của đức thánh Khổng. Ngài là một mảnh gương học hỏi, cương quyết, thanh bạch. Trọn bộ 1 quyển: 1p.00

Mấy thầy tu huyền bí.— Ở Tây-tạng và Mông-cổ. Biên những cách luyện đạo của các nhà tu trì nơi non cao đồng vắng, những phép huyền linh của hạng người thắng phục thân tâm.

Trọn bộ 1 quyển: 1p.10

Gửi mandat thêm cước phí 0p.55

M. Đoàn-Trung-Còn

143 Rue Louvain Saigon

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ...

Số 33

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

Văn con tế mẹ (con nhà làm thuốc) (1)

THAN ÔI ! Đức cù-lao rất lớn, thơ Lục-nga chín chữ hãy « đành rành » ; cơ tạo-hóa khôn lường, ca Phỉ-lộ nghìn thu nên cách lý. Nỗi biệt-ly quanh quất ruột tằm, niềm khế-khoát nỉ-non tiếng dế. Tri-mẫu vốn thì lòng chỉ-thực, giá nữ-trinh đôi lứa khác vời ; chí-tử hằng khuyên chữ nhân-trung, bề tần-tảo sớm khuya chẳng trễ.

Từ thủa con hôm mai dưới gối, ấm-no khó-nhọc chẳng nề bao ; tới khi con đèn sách liên-phòng, khuyên nhủ học hành thêm mọi vẻ Ấn-tinh đong hải-thạch còn vơi, công đức chất thường-sơn hãy nhẹ. Viễn-chí trải ba lo bảy liệu, nghĩa qui-thân hằng ra đức viên tròn ; liên-phòng tuy ba thứ đôi dòng, tình chí-tử cũng một dường mười kẽ. Khác tôn thân đều đội đức tư ân, ngoài hương-lý cũng một niềm ái-nữ. Những ước nam-tinh lần tuổi hạc, tiệc nam-cai doành đợi thuở hồi hương ; nào ngờ bán hạ ruồi xe loan, giấc hồ điệp khôn nài phen cố-chỉ.

Ôi ! gió cuốc ngàn mai, sương lồng đỉnh Dĩ. Nhớ trước thông-đường khi đồn-tịch, xa chốn trần kề tàm đông dư ; mà sau huyên-thất thuở quai-ly, gần chồi tử vừa đôi thu lẻ. Cảm nỗi bóng dâu tuổi tác, khi lâm sự lo sau dặn trước, mẹ bàn-khoăn khó nhọc lúc vì con ; ngẫm khi trận gió mơ-màng, dầu mấy phen sửa thuốc nâng thang, con phụng-dưỡng cũng chưa đền công mẹ. Xót lòng báo đáp biết bao đành, nhớ đoạn ân tình khôn xiết kể.

Con tưởng công mẹ sao nỡ lánh, tưởng nguồn cơn chua xót ngập ngừng ; cây muốn lặng, gió lại chẳng dừng, nghĩ nỗi nước ủ-ê rầu-rĩ. Chốn nhà bắc phất-phơ gió lọt, ngùi ngùi thêm đòi đoạn nhớ thương ; dặm non xanh man mác mây bay, thẳm-thẳm biết bao giờ cho thấy nhỉ ? Rày tiết đến tống chung, lễ bầy ngu tế. Tuần mao giản nhân tràn lễ bạc, ít nhiều dám quản tiếng nhân-ngôn ; chốn xa-tiền giãi thực niềm đơn, ai cảm xin thấu chưng địa-nghĩa.

(Trích ở quyển *Lệ-ngữ văn tập*, sách viết bằng chữ nôm của trường Bác-cổ, số AB 166, tờ 15a-15b).

CXV

Vịnh tường-long thi

(thơ của Trịnh-Căn, 1682 - 1709)

So chưng muôn vật dám phen cùng,
Tượng ứng văn-minh chỉn lạ lùng,
Cơ nhiệm, liệu thay cơ diệu-tạo.
Phép màu thấu được phép thần-thông.
Hây hây vẻ thụy đời thanh-yến,
Chềm chềm ngôi cản đức chính-trung.
Trong hội phong-vân càng đắc-chí,
Xuống ân lưu-loát thấy trùng trùng.

(Trích ở quyển *Ngự đề Thiên hòa doanh bách vịnh*, sách viết bằng chữ nôm của trường Bác-cổ, số A B 544, tờ 28b.)

CXVI

Vịnh thủy-phượng thi

(thơ của Trịnh-Căn, 1682-1709)

Danh đồn lừng-lẫy đỉnh cao-cương,
Đứng ấy đành hay đứng khác thường.
Lục đức đượm nhuần mình tú-lệ,
Ngũ chân điểm-xuyết sắc huy-hoàng.
Giúp nên luật lã soang rân-rỡ,
Chợt mảng tiêu-thiều lảu dịu-dàng.
Cử chỉ về tuồng quân tử đạo,
Giới nhân mừng thấy tập trinh-tường

(Trích ở quyển *Ngự đề Thiên-hòa doanh bách vịnh*, tờ 29a).

CXVII

Cửu-sơn di-tích (2)

Non cao các núi chầu theo,
Dải vàng quanh bọc nước reo vơi đầy.
Khách không đi lại tháng ngày,
Trúc tinh hoa ý ngờ thầy tăng đây.
Mây che tháp nghịch mê cây,
Ngang khe cỏ lấp tối rày ngọc-chi.
Tiên triều du dự có kỳ,
Phong quang như cũ khác gì thời xưa.

(Trích ở quyển *Phong cảnh biệt chí*, sách viết bằng chữ nôm

Bản chí

Cần cổ động viên để đi các tỉnh thu tiền và lấy thêm độc-giả, vậy ai muốn làm, cần có những điều-kiện này :

1·) Phải là người trên 20 tuổi.
2·) Có bằng Sơ học pháp việt.
3·) Có ký quỹ từ 50 p. đến 100 p.
4·) Có tính hạnh tốt.

Xin viết thư cho bản chí và nhớ kèm theo tem để trả lời.

TRI-TÂN

và chữ nho của trường Bác cổ số A B 377, tờ 14 a-b.

CXVIII

Pháp-vân thắng-khái

Đài xiêu nát, cỏ tàn hoa,
Voi kia không nói, chứng tòa Phật cao.
Lò sôi giăng ở lá đào,
Cửa chùa thổi đủ gió vào hoa lau.
Thầy trò rừng trúc thần lưu,
Giang sơn tức mặc chiêm bao tỉnh lòng.

Trích ở quyển *Phong cảnh biệt chí*, tờ 14 b-15 a.

Còn nữa

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ
biên tập

1.) Những bài đăng kỳ này, chưa thấy ai in ra quốc ngữ. Bài văn-tế đề là *Tử tế mẫu văn (ngoại tử)*. Nhà thầy thuốc mượn những tiếng vị thuốc ra làm câu văn ; Tây gọi là lông-ngữ hay song quan, *jeu de mots*; ta gọi là văn truyền - thần. Như ở cuối bài văn-tế này có chữ nhân-trần, chính là tên vị thuốc, ở đây thì là nhân bầy đồ lễ ; lại có chữ nhân-ngôn, tên một vị thuốc độc, ở đây là nhời người ta bình luận.

2.) Những bài trích trong *Phong cảnh biệt chí* do chữ nho dịch ra Nguyên-văn như sau này :

Cứu sơn di tích
thuộc Gia-bình huyện

Nhất sơn trác lập chúng sơn tùng,
Kim-đới oanh hồi thủy diễn-di.
Thạch-sắc tuyền-thanh vô khách đối,
Trúc tình hoa-ý nhạ tăng tri.
Bạch-vân nghịch-tháp mê giang thạ,
Phương-thảo hoành-khê ám ngọc-chi.
Tằng thị tiên-triều du-dự xứ,
Phong-quang y cựu tự tiền-thì.

Pháp-vân thắng-khái
thuộc Gia-bình huyện

Liên-đài đổi hủy thảo mông nhung,
Pháp-tượng vô ngôn chứng sắc không,
Hương-trụ nhiễu tàn đào diệp nguyệt,
Thuyền - quan xung bão địch hoa phong.
Trúc-lâm sư đệ thần-hưu ngoại,
Tức-mặc giang-sơn mộng tỉnh trung.

Những ông nghè triều Lê

Tiếp theo trang 17

26 a-30 b. Cùng với ông Thân-nhân - Trung, Quách-đình-Bảo, Đỗ-Nhuận, Đào-Cử, biên-tập những chính - sự trong nước, gồm một trăm quyển, đề đầu là *Thiên-Nam dư-hạ tập*. Vua Lê Thánh-tôn làm bài tựa Lại chép những việc vua đi đánh Chiêm-thành, Lão-qua, v. v., gọi tên là *Thân - trinh ký sự* chép theo *Khâm-định Việt-sử*, quyển 23 tờ 40 b.

Về việc truy lập bia tiến-sĩ, *Khâm-định Việt-sử*, quyển 23 tờ 41 a, chép rằng « từ năm Đại-bảo thứ ba, tức là năm 1442, đến năm Hồng-đức thứ mười-lăm, tức là năm 1484, chưa dựng bia khắc tên các khoa tiến-sĩ Vua Lê Thánh-tôn sai thượng-thư bộ Lễ là Quách-đình-Bảo trước soạn từ năm nhâm-tuất hiệu Đại-bảo thứ ba 1442 đến năm tân-tỵ hiệu Hồng-đức thứ mười-hai 1481, tất cả họ tên và thứ tự chín khoa tiến-sĩ, khắc vào đá tốt. Đình-Bảo nhân xin đổi trạng-nguyên, bảng-nhỡn, thám-hoa làm tiến-sĩ cập-đệ, chính-bảng làm tiến-sĩ xuất-thân, phụ-bảng làm đồng-tiến-sĩ xuất-thân để hợp phép đời nay. Vua Thánh-tôn nghe theo Sai Từ-thần là Đông-các đại-học-sĩ Thân-nhân-Trung, Đông-các học-sĩ Đỗ-Nhuận, Đông-các biện-thư Đào-Cử, Đàm-văn-Lễ, Ngô-Luận, Lê-tuấn-Ngạn, Hàn-lâm-viện thị-thư Nguyễn-đôn-Hậu, Lương-thế-Vinh, Hàn-lâm-viện thị-độc Nguyễn-xung-Xác, chia soạn bi-ký ».

Còn nữa

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

Giới - thiệu sách, báo

Tri-Tân nhận được :

1.) *Trăm lạng vàng*, tiểu-thuyết lịch-sử của Trúc-khê, đăng trong « Phổ-thông bán nguyệt san » do Tân-Dân xuất-bản. Sách giầy hơn 100 trang, bìa đẹp, giá 0 p 40.

2.) *Việt-Nam văn-học*, tập thứ hai về văn-học đời Trần của Ngô Tất-Tố, do Mai-Lĩnh xuất-bản.

Sách dày 221 trang, giá 2 p, 00.

3.) *Việt-Nam dược-học* tập thứ ba của Phó-Đức-Thành do Mai-Lĩnh xuất-bản.

Sách dày 126 trang, giá 0 p, 80.

4.) *Những kẻ có lòng*, tiểu-thuyết xã hội của Lê Văn Trương, nhà Đời Mới xuất bản ; dày 209 trang. Giá 1 p 20.

5.) *Đông-phong tạp chí*, là tờ bán nguyệt san chú-trọng về văn-học và nghệ thuật, ra số 2 ngày 15 Juillet 1942, do hai ông Lê Phát-Vĩnh và Lê-Điều đứng chủ-trương. Giá báo : mỗi số 16 trang, 0 p 20 ; một năm 6 p, 00 ; sáu tháng 3 p 50 ; ba tháng 2 p, 00. Tòa báo ở số 327, Paul Blanchy prolongée, Saigon.

Tri-Tân xin cảm ơn các nhà đã gửi tặng sách, báo và vui lòng giới thiệu cùng bạn đọc. T. T.

Tôn Thọ-Tường

của Khuông-Việt

Trên mặt tạp-chí này chúng tôi đã giới-thiệu với bạn đọc quyển sách khảo-cứu « *Tôn thọ-Tường* » của ông Khuông-Việt.

Nay sách đã ra đời (1), trong sách ấy chia làm hai phần, gồm 4 chương nói rõ về tiểu-sử, văn chương của danh-sĩ xứ Đồng - nai, lại kèm cả ảnh và tự-tích. Sách này sẽ giúp ích cho các nhà khảo-cứu muốn biết nhân-vật cận-đại trong Nam và tình hình chính-trị cùng bang-giao ở nước ta trước đây 60 năm.

Thật là một quyển sách rất công-phu T. T. xin vui lòng giới-thiệu cùng độc giả và cảm tạ tác-giả đã làm một việc có ích cho học-thuật nước nhà.

— T. Đ.

---

(1) *In tại nhà in Ngày-nay. — Nhà Nguyễn khánh-Đàm tổng phát hành.*

Quan-niệm dịch thơ

Tiếp theo trang 5

Le ciel est noir ! le vent est dur !
Adieu, Patrie
Lise, Anna, Marie
Adieu, Patrie
Azur... .·.
Adieu Patrie !
L'onde est en furie.
Adieu, Patrie !
Azur... .·.
Notre œil que voile un dueil futur
Va du flot sombre au sort obscur.
Adieu, Patrie !
Pour toi, mon cœur prie.
Adieu, Patrie
Azur...

Góc trời tối tăm, gió thổi lạnh buốt.
Từ-giã Tổ-quốc !
Lý-Nga, Ái-Hoa
Từ-giã Tổ-quốc
Xa xa... .·.
Từ-giã Tổ-quốc !
Sóng đánh rập-rềnh.
Từ-giã Tổ-quốc
Lênh-đênh... .·.
Từ lớp sóng đen tới chốn vực sâu,
Bước đường tăm tối, mắt đã nhuộm sầu.
Từ-giã Tổ-quốc.
Lòng ta cầu khẩn.
Từ-giã Tổ-quốc
Trời oan, bể hận...

Mấy chữ khó dịch nhất trong nguyên tác là sáu chữ *azur* cuối cùng ở sáu tiết (strophe) của bài thơ. Năm chữ đầu, theo Nguyễn Triệu-Luật, thuộc về phần *thể chất*, được phô-diễn rất đúng bằng mấy hình-dụng-từ : *mênh-mông, mênh-mang, xanh xanh xa xa, lênh đênh.* « Đến chữ azur đóng bài, Nguyễn Quân viết, dịch giả mới phô diễn những ý thuộc phần *tình cảm*.: trời oan, bể hận. — Thật vậy, cái trời bể của kẻ « có đi không về » nó xanh xanh một màu trôn lẫn, nó mênh mông bát ngát không bờ nhưng nó đầy sầu ngân hận... Vì thế nên cái đầu bài « chỉ có một chữ *azur* mà thôi », tôi mới khuyên dịch giả dịch là : chân giời mặt bể lênh đênh cho nó ngâm cái ý :

năm xương biết gửi tư sinh chốn nào (4) »

Một quan niệm dịch thơ

Trong bài *Giá trị một bản dịch*, bàn về quan-niệm dịch văn xuôi, chúng tôi đã nhường lời cho một danh sĩ Pháp : Chateaubriand.

Nay bàn về quan niệm dịch thơ muốn có chỗ tương đối, chúng tôi xin nhường lời cho một danh sĩ nước nhà : Tản-Đà.

Quan-niệm dịch thơ của Tản-Đà là quan-niệm dịch thơ Tàu. Nhưng thiết tưởng, dịch thơ Tây hay thơ Tàu cũng vậy, đều phải biết qua các bí-quyết đại khái. « Trước khi làm sự dịch, Tản-Đà bảo, tôi cần phải tốn công xem xét bài nguyên văn, cho được nhận thấy rõ ý nghĩa, nếu có câu nào chữ nào không rõ nghĩa, thời phải tra sách, tra từ-điển, rồi lại nhận suốt lại một lượt. Ngâm đi đọc lại bài nguyên văn, từng chữ từng câu, thật thấy được ý-thái tinh-thần của tác-giả, khi đó mới dám nói đến *dịch*.

« Bắt đầu vào việc dịch, lấy bổn thân của mình đứng địa-vị tác-giả, tưa như mình đinh viết một bài văn như thế mà dựa theo bản thảo là nguyên văn. Lúc thật bắt đầu dịch, nghĩ thử mấy câu, không thấy lanh lợi như ý thời hãy tạm bỏ để lúc khác. Trong cái thời gian tạm bỏ đó, dư xét những câu, những chữ nào khó dịch thời liệu tính dần trước ; trừ phi lúc nói chuyện gì với ai, hoặc lúc thật ngủ đi không biết, ít có một thời khắc nào không lưu tâm. Cứ vậy ung dung, ngẫu được một giây phút rất hứng thú như cơn gió thoảng tới, khiến cho trong bài đó, không phải dùng đủ sức mà tự nhiên dịch được một hai câu. Một hai câu ấy nếu nhận thấy vừa lòng thời thừa thế nghĩ luôn trên dưới các câu khác. Khi được đến chừng bảy tám câu, tạm nghỉ sức mà tự lấy mình đứng sang địa-vị một độc-giả để quan sát. Lúc đó nhẩm đi nhẩm lại, như thể ngâm mà không lên tiếng, xét kỹ những chữ nào không ổn, thời phải kiếm chữ khác để thay đổi. Trọng bảy tám câu đó chừng bốn năm câu nghe được thấy xuôi tai thời khi ấy sợ quên, mới lấy giấy bút để biên chép. Công việc dịch đến lúc ấy, như kẻ đồ tể bắt con heo để giết, mà đã thông-lọng được một chân, thời từ đó về sau, dù con heo kia to đến đâu, cũng không lấy làm khó. Sau đó chỉ bình tâm tĩnh trí mà làm việc, như thể cạo lông lợn, muốn cạo chỗ nào trước, tùy tình.

« Trong việc dịch, đến chỗ nào khó, — mà thường là chỗ hay của nguyên văn thời phải dùng sức hơn, khi đó phải dùng *cách tưởng tượng*. Trong bài *Trường hận* đây, nguyên-văn như những câu :

« *Ngư - dương bê cổ động địa lai.*
« *Kinh phá Nghê-thường vũ y khác,*
« *Cửu trùng thành khuyết uyên trần sinh*
« *Thiên thăng vạn kỵ tây nam hành.*

« Muốn cho được nhận thấy tinh-thần của nguyên-tác, phải giở chỗ bài văn đó, ngồi trông mắt xuống mấy câu ấy, mà nhận ra cho thấy các cái quang cảnh An lộc-sơn đem quân vào Trường-an, mà Đường Minh-hoàng phải chạy. Như những câu : « *Thiên trường địa cửu hữu thời tận*

« *Thử hận miên miên vô tuyệt kỳ.*

« Thời lại lấy mình làm tác-giả tỉnh xét cái hơi văn đến lúc gác bút là như sao... ?

« Do sự nhận nghĩa đó, mà những câu văn dịch của mình chiếu sang các chữ bên nguyên-tác, phảng-phất thấy như bóng theo hình. Vậy mới có thể nhận là được.

« Đến khi xong hết toàn bài lấy mình đứng địa-vị các độc-giả rất nghiêm-khắc, như thể người *cử soát tế vật* ; nếu thật không thấy có lợi nữa, thời tinh tả để sẽ đưa việc in, lúc ấy chỉ như ông Lý chỉnh-tề khăn áo bưng mâm gà ra trước sân đình vậy ! »

KIỀU THANH-QUẾ

---

1. Bản quốc-văn của Phạm-Quỳnh — Nguyên tác với trang 236, quyển En Chine, do Fayard xuất bản năm 1942

2. Nguyên văn ;
Cô vọng ngôn chi, cô thích chi ?
Đậu bằng qua giá Vũ-như-Ty :
Liệu ưng ướm tác nhân gian ngữ,
Ai thích thu phần quỉ xướng thi.

3. Tao đàn tạp chí — Số đặc biệt về Tản-Đà, trang 71

4. Tao Đàn tạp chí số 13, ngày 16-10-39

Bạn đọc viết

Một bà chủ đồn-điền ở thế-kỷ thứ 14

NGÀY nay, nhiều nguyên-nhân về kinh-tế và xã-hội khiến cho phụ-nữ phải chen vai với bạn mày râu trên trường thực-nghiệp, nên ta từng thấy nhiều bà tay không gây nổi cơ-đồ, hay tự mình cai-quản một công-cuộc kinh-doanh đồ-sộ, chứng tỏ một tài tổ-chức sáng-suốt và sâu-xa.

Nhưng ở vào thời những bậc nữ-lưu quí-phái không dời khỏi khuê-môn, mà có một người về giống yếu, vốn quen sống một đời êm đềm nhàn hạ, dám dấn thân vào nơi lam-sơn chướng-khí, ra sức phấn-đấu với rừng xanh, làm cho hàng ngàn mẫu đất hoang vu biến thành đồng ruộng, thì kể cũng là một việc lạ-lùng hiếm có. Nhất là khi biết rằng công-cuộc đó, không những đã nuôi sống mấy ngàn bần dân, mà lại còn giúp một phần vào sự-nghiệp bình Ngô của đức Lê-Lợi, thì ta càng khâm-phục xiết bao!

Người đàn-bà lỗi-lạc ấy, tên là Trần-thị Ngọc-Hào, con ông Trần-công-Thiện, người làng Tri-bản, huyện Hương-khê, tỉnh Hà-tĩnh.

Bà là người tài sắc gồm hai, nên được tuyển vào cung vua Trần Duệ-Tôn (1373-1377); chẳng bao lâu, sinh được một gái, nàng Trần-thị Ngọc-Hiên, hiệu là Huy-Chân. Nhưng cảnh phú-quí, đối với bà, như giấc hoàng-lương. Nhà vua tử-trận trước thành Đồ-bàn (1377). Rồi trong vòng mấy năm trời, bà đau-đớn trông thấy cảnh suy-vong của quốc-gia: Hồ-qui-Ly tiếm ngôi nhà Trần; quân Minh kéo sang giầy xéo nước ta.

Gặp buổi loạn-ly, hai mẹ con bà cải trang làm sư ni, rồi cùng một bọn tùy-tùng, tìm về quê cha đất tổ.

Sau 50 ngày trèo non lặn suối, bà tới địa-phận mấy hạt Đức-thọ, Hương-sơn và Hương-khê.

Nhận thấy tại vùng đó, ngoài mấy khóm làng mạc lơ thơ, còn hàng vạn mẫu đất mầu mè bị cây hoang cỏ dại chiếm mọc um-tùm, bà liền khuyên bọn dân nghèo đem nhau tới đấy, để ra công khai phá. Hơn 3000 người đáp lại tiếng gọi của bà. Ba chăm nom săn-sóc họ như một người mẹ, đối với đàn con và sắp đặt công việc rất có qui-củ. Vì vậy, họ vui lòng ra sức đốt rừng, sẻ núi, dựng nhà.

Chuỗi ngày thấm thoắt qua... Những xóm làng lập lên như nấm, và non 4000 mẫu đất, trước kia là nơi trú ẩn của rắn rết hùm beo, nay đã thành những cánh đồng xanh tươi, cò bay thẳng cánh.

Từ đấy, bà nghiễm nhiên là chủ nhân một cái trại mênh-mông bát ngát, một mình riêng một giang-sơn.

Bấy giờ giặc Minh canh-phòng rất nghiêm, nhưng vì trang trại của bà ở chỗ núi-non xa vắng, nên chúng không hề biết đến.

Hai mẹ con đương sống giữa cảnh lâm-tuyền, lãng quên cuộc đời lộng-lẫy xưa, thì một việc tình cờ khiến cho hai người lại gặp những ngày rạng-rỡ.

Lúc ấy, đức Lê-Lợi đang ở đất Ai-lao, để mưu khởi-nghĩa. Ngài sai một đại-tướng, ông Bùi-Bị, đánh úp mấy hạt Hương-khê, Đức-thọ, Hương-sơn.

Sau khi quét sạch quân Minh ở vùng ấy, ông tiến sâu vào vùng sơn-lâm. Ông kinh-dị biết bao khi thấy giữa chốn rừng sâu, bày ra cảnh đồng ruộng bao-la, cửa nhà san-sát, với hai nữ chủ-nhân yêukiều như khách Đào-nguyên.

Bà Trần-thị khoản-đãi ông, và kể lai lịch cho ông nghe.

Lúc trở về Ai-lao, ông đem chuyện gặp gỡ lạ lùng ấy tâu đức Bình-định-vương.

Ít lâu sau, ngài kéo quân về đóng ở thành Lục-niên, trên núi Thiên-nhẫn, là cuỗi giáp-giới hai tỉnh Nghệ-an và Hà-tĩnh. Ông Bùi, nhân dịp, mang hai mẹ con bà ra yết-kiến nhà vua.

Thấy nàng Huy-Chân có vẻ đẹp thùy-mị, ngài bèn lựa làm cung-phi, và truyền xây điện Phượng-hoàng, để làm trú-sở cho bà Trần-thị. Về phần bà, bà dâng nhà vua bao nhiêu của-cải thâu góp trong mấy năm trời và tất cả đất đai đã khai phá. Nhờ tài sản ấy và hoa-mầu thu-hoạch được, mà trong thời-gian đó, lương thực của ba quân rất là đầy đủ.

Năm 1428, đuổi xong giặc Minh ra khỏi bờ cõi, vua Lê-Thái-Tổ lên ngôi chí-tôn. Vốn đã có chí lánh xa trần-tục, bà Trần-thị xin lập ra, trên sườn núi Am-sơn ở làng Phụng-công, Phủ Đức-thọ, một ngôi chùa gọi là Diên-quang-tự, để sớm hôm vui cùng kinh-kệ trong cảnh gió núi trăng ngàn.

Ngày nay, đi qua làng ấy, trông nếp chùa xưa lồng trọng một cái khung thiên-nhiên đầy thơ-mộng, ai là người nhớ rằng cách đây hơn 500 năm, đấy là nơi mà một bực kỳ-nữ đã dừng chân khi về chiều, để rũ sạch bụi trần sau một cuộc đời tung bừng hoạt-động?

THANH-KHÊ

TIỂU THUYẾT DÀI

TRÚC MAI SUM-HỌP

Số 5 của CHU-THIÊN

TIỂU-LAN đã tỉnh-táo như thường, mở mắt trông thấy Liên-Tường, vội hoảng-hốt loạng-choạng đứng lên toan chạy, rồi kêu rú lên rằng :

— Giời ơi ! Tiểu-thư đây à ? Người hay là ma ? Ồ, vậy ra tôi chết rồi ! Khốn khổ cho phu-nhân ở trên dương-trần, thân già sức yếu, lại bị vòng lao-ngục, lấy ai hầu-hạ sớm hôm !

Nói xong, òa lên khóc nức-nở.

Liên-Tường bên chạy lại gần, nắm lấy tay Tiểu-Lan mà nói rằng :

— Tiểu-Lan em ơi ! Em nên tỉnh lại nào, ta còn sống đây, có chết đâu mà là ma ! Em mau định thần lại, rồi kể sự-tình cho ta được rõ.

Nói xong, bèn dắt Tiểu-Lan vào ghế ngồi mà gặng hỏi.

Tiểu-Lan ngơ-ngác, trong bụng hồ nghi, dương mắt nhìn chăm-chặp vào Liên-Tường mà rằng :

— Không phải, tiểu-thư là ma ! Tôi cũng là ma rồi ! Tôi bị thằng tiểu ở chùa đánh chết rồi kia mà ! Thương hại thay cho phu-nhân !

Liên-Tường càng lấy làm lạ, lại gần nắm lấy hai tay Tiểu-Lan và nói :

— Không, ta còn sống, làm sao em cứ buộc cho ta là ma thế, hở em, Tiểu-Lan ?

Tiểu-Lan càng lạ hỏi :

— Ồ ! lạ qua ! Trong khi tai biến, tiểu-thư qua đã chết cháy rồi mà. Lẽ nào lại sống lại mà còn ở đây ? Lòng tôi thực lấy làm nghi hoặc. Tiểu-thư phải nên nói rõ tình đầu thì tôi mới tin được.

Liên-Tường trong lòng đương thương-xót, thấy vậy cũng phải phì cười mà nói rằng :

— Tiểu-Lan ơi ! Em nghi là phải. Nhưng ta thực là người đây ! Ta biết ra rồi. Cái người chết cháy đấy không phải là ta đây. Đó là cái gian-kế của kẻ hung-đồ. Nó đánh lận-sòng đấy !

Rồi lại kể hết sự-tình từ khi sa xuống sông thế nào, trải bao nhiêu sự hoạn-nạn mới có ngày nay. Rồi lại hỏi tiếp rằng :

— Nhưng chẳng hay em thơ-ngây yếu-ớt đi đâu mà bị nạn ? Và phu-nhân nay ở đâu mà em nói là bị lao-ngục ? Em nên kíp nói cho ta hay, mau mau, kẻo lòng ta càng thêm bối-rối.

Tiểu-Lan lúc đó mới hiểu chuyện bèn thưa rằng :

— Thế ra tiểu-thư không chết, người còn sống, ma bấy lâu luống những khóc người, bày đàn cầu cúng. Thực là kỳ dị !

Tiểu-thư ạ, từ khi gặp cơn gia-biến, vẫn tưởng trong vòng than lửa, tiểu-thư đã chết rồi, lão-quan và phu-nhân xiết bao thương xót trong lòng, ngày đêm than khóc, lập đàn cúng lễ giải oan cat kết đung bẩy ngày. Về sau, lão-quan lại bị tình-nghi phải hạ ngục, cửa nhà tan-nát. Phu-nhân cùng tôi đi phương xa lánh nạn, một gia một trẻ xiết bao nhiêu nỗi nhọc-nhằn. Về bên ngoại gia, anh em đều sợ liên-lụy, không ai dám chứa. Sau lại phải ra đi. Giữa đường lại gặp quân cường đạo cướp bóc, may nhờ có một vị tráng-sĩ cứu thoát. Rồi lần-mò lên đến chùa Giác-ngộ ở hạt này, gặp được đại-sư Chân-Giác là biểu-đệ với phu-nhân, mở lòng bồ-đề, ân-cần dung-nạp. Những tưởng đem thân nhờ chốn cửa Không được bề yên-ổn, Ngờ đâu lại bị đứa ác-tiểu Chân-Giới gây nên tai họa, đi tố cáo với quan trên, nên phu-nhân cùng Chân-Giác đại sư đều bị tróc giải về dinh quan Trấn-thủ. Còn tôi đây không chịu nhục, nên bị tên ác-tiểu ra tay độc hại đánh chết rồi vất xuống ngòi. May mà Giời còn thương cho, tôi lại được ở đây, thực là một điều không bao giờ ngờ được ! Rồi có lẽ từ đây lại sum-họp có ngày. Xin tiểu-thư cố mau lo cho phu-nhân khỏi vòng lao-ngục...

Liên-Tường phu-nhân nghe thấy vậy, ngã vật xuống đất lăn khóc kêu ca rằng :

— Cha mẹ ơi ! Vì đứa con bất hiếu này mà để lụy cho hai thân. Ví bằng biết đến nông nỗi này, thà rằng chết quách ngay từ khi mới lọt lòng cho xong.

Lúc ấy Trần-Long và Lệ-Kim cùng đương bên cạnh, hiểu rõ sự tình, thấy vậy, đều động lòng thương, cùng xúm lại lựa lời yên ủi. Lệ-Kim ôm lấy Liên-Tường và dịu-dàng nói rành-rẽ :

— Thưa phu-nhân, việc gì mà phải buồn nào làm vậy. Tin nay thật là một tin mừng, đáng lẽ phu-nhân phải vui lên mới phải chứ. Gặp được cô Tiểu-Lan đây, đã biết được tin Lão-phu-nhân, rồi nhờ tuc-lực quan Trấn-thủ, tài rước được Lão-phu-nhân về. Mẹ con sum-họp đến nơi rồi. Thật là qua con bĩ cực đến tuần thái lai. Cần chi phu-nhân lại cứ buồn phiền. Sự đã qua rồi, ta phải vui mừng mà cám ơn Giời, Đất, Quỷ-Thần đã phù-hộ độ-trì cho ta.

Trần-Long cũng nói :

— Phu-nhân đừng quá thương chi nữa. Nếu vậy cũng là lòng Giời dun-dủi nên mới có cơ-hội này, khiến cho phu-nhân gặp được cha mẹ đó. Phu-nhân kha nên đổi sầu làm vui, để tôi tùy tiện liệu chiêu xin rước nhạc-mẫu về đây cùng ở, chẳng càng hay lắm ru ?...

Lệ-Kim hết sức khen phải. Liên-Tường nguôi dần. Rồi nàng đứng dậy sụp lạy Trần-Long mà nói rằng

— Tiện-thiếp xin rập đầu bái tạ thâm-ân. Ngày nay khiến cho tiện-thiếp được gặp mẹ già, thực là nhờ Tướng-quân đã tái-tạo nên cái hạnh-phúc cho nhà họ Phan này vậy.

Trần-Long vội nâng nàng dậy và nói :

— Phu-nhân quá khiêm chi làm vậy, làm ra vẽ khách-tình, mất cả tình thân vợ chồng. Việc cứu nhạc-mẫu nay là phận-sự của đứa con rể bội-bạc này. Sao lại gọi là « thâm-ân » ? sao lại gọi là « tái-tạo » ? Phu-nhân nên yên tâm để tôi viết một bức thư sáng mai cho người đưa sang hỏi và nói trước với quan Trấn-thủ bên đồn xem sự thế thế nào, rồi tôi sẽ thân-hành sang cung-nghinh nhạc-mẫu về.

Liên-Tường liền hỏi :

— Tướng quân có quen biết quan Trấn-thủ bên ấy không ? Vả cần phải biết ở đồn nào đã chứ ?

— Gần đây, ở về phía bắc chỉ có một đồn Đoài môn thôi. Mà Tiểu-Lan ở ngòi trôi đến là từ phương bắc trôi xuống. Như vậy là thuộc về địa-phận đồn Đoài-môn. Quan Trấn-thủ đồn ấy là Đặng-Mai, tôi có quen biết từ khi cùng đi nhậm chức.

Lệ-Kim vui vẻ nói :

— Thế thì thế nào Tướng quân và phu-nhân cũng đón được Lão-phu-nhân về đây. Thật không còn hạnh-phúc nào bằng !

Mọi người đều trở lại vui-vẻ. Liên-Tường và Lệ-Kim dắt Tiểu-Lan vào phòng riêng, hỏi han cặn-kẽ mọi chuyện. Còn Trần-Long đi vào thư-phòng, lấy giấy bút viết một bức thư sau này :

« *Đặng Tướng-quân huy-hạ,*

« *Khói lang nghi-ngút, yên ngựa xông pha, bấy lâu vì quân sự đa mang, trong gang tấc thành ra xa-cách ! Những lúc chim kêu vượn hót, rỉ khóc ve than nghĩ đến tình đồng-trạch đồng-bào, trong lòng xiết bao tưởng nhớ .. Vậy xin có lời thăm hỏi gọi là tỏ dạ hoài nhân.*

« *Sau đây tiểu-tướng có chút việc nhà dám xin tỏ bày dưới trướng, mong rằng tướng-quân sẽ xét biết cho:*

« *Số là mới hôm qua đây tại qui-doanh có giam một người đàn-bà nói là phạm-phụ, người ấy chính là chính thất Phan Thượng-thư, mà lại là nhạc-mẫu tiểu-tướng đây. Đó chẳng qua là đứa ác tiền hiệp-hiềm, thêu nên tội lệ, chứ kỳ thực Phan Thượng-thư đã được dự ơn đại-xá trong mấy tháng nay rồi. Nay Phan phu-nhân bị vu-cáo thật là oan-uổng. Chuyết-kinh (1) được tin ấy chưa xót trong lòng. Tình cảnh đó khiến cho tiểu-tướng cầm lòng không đậu, nên đánh bạo đem tình bày tỏ. Dám xin tướng-quân rộng lòng thương tới, mà ra ơn phóng thích cho, tiểu-tướng sẽ xin thân đến dưới gên cái mình bái tạ.*

« *Hoàng-hiện...*

« *Trần-Long bái bát.* »

Sáng sớm hôm sau, Trần - Long sai bốn tên quân phi ngựa đi đệ thư đến quân-dinh dâng lên Đặng tướng quân.

IV

Bên đồn Đoài-môn của Đặng-Mai, tối hôm ấy quân lính giải Phan phu-nhân và Chân-Giác Thiền-sư về thì giời đã tối khua. Đặng tướng-quân còn đang bận việc, quân canh phải đưa phu-nhân và Chân-Giác vào trại giam. Qua một đêm giam cầm, sáng sớm hôm sau, thấy Đặng tướng-quân đăng-đường sớm, bọn lính liền vội vàng vào nhà giam bắt giải phu-nhân và Chân-Giác lên sân công-đường. Một tên lên nhà chắp tay vái lạy thưa :

— Bẩm lạy tướng-quân, hôm qua vâng mạnh tướng-quân, lũ hạ-thuộc chúng con đã bắt phạm-phụ và kẻ oa-tàng về đây xin dẫn lên trình.

Đặng-Mai đang ngồi xem lại tập công-văn, nghe nói vội đứng lên đi xuống thềm xem. Trông thấy Phan phu-nhân, chàng ngờ-ngợ đứng lại cố nhớ như đã gặp nhau một lần. Trong khi ấy phu-nhân và Chân-Giác vừa cúi đầu xuống cùng thưa :

Phạm-dân xin bái chúc thượng-quan an-hảo !

Rồi ngẩng đầu lên trông thấy Đặng-Mai, nhìn nét mặt bao hao như người đã quen gặp mà chưa nhớ rõ ra tên họ, phu-nhân nửa mừng nửa lo Bỗng Đặng-Mai như nhận ra kẻ tội phạm của mình, liền truyền cởi trói và dẫn hai người vào công-đường. Đặng-Mai ngồi vào ghế hỏi Chân-Giác :

— Nhà chùa làm sao dám giấu-giếm kẻ phạm tội ở trong nhà ? Không sợ phép nước tôn nghiêm à ?

Chân-Giác thiền sư lễ phép thưa :

— Bẩm lay thượng-quan, bần-tăng không dám phạm vào phép nước. Đây là chị họ bần-tăng, vợ quan Thượng-thư họ Phan vừa bị bắt mấy tháng trước thật. Nhưng không thấy có giấy truy-tầm gì cả, nên bần-tăng rước về nương nhờ cửa Phật cho qua tuổi già đỡ khổ-sở. Xin thượng-quan xét cho.

Đặng-mai liền hỏi phu-nhân :

— À, ra lão phu-nhân, thảo nào bản-quan trông cứ ngờ-ngợ mãi. Nhưng sao đã nương nhờ được nơi cửa Phật không ăn ở cho yên-thâm để đến nỗi có kẻ đi tố-cáo, sinh ra làm chuyện lôi-thôi ?

Chân-Giác vội thưa đỡ :

— Bẩm thượng-quan, đấy là do đầy-tớ trong chùa tư hiềm gây ra, chứ lũ hạ-dân cư xử không có điều tiếng gì cả.

Phan phu-nhân lúc ấy mới nhớ rõ đã gặp quan Trấn-thủ một lần, liền hỏi :

— Bẩm thượng-quan, phạm-phụ này xin mạn phép hỏi thượng-quan có phải người đã cứu phạm-phụ và đứa tiểu-tỳ khỏi tay côn - đồ hồi nọ ?

Đặng-Mai điềm-đạm giả nhời :

— Vâng, Lão phu-nhân nhớ giai quá. Bản-quan lúc nẫy nghe thiền-sư đây nói đến mới sực nhớ ra. Thôi, đã là người ngay gặp vòng nguy-biến, bản-quan tha cho lại về chùa ở yên-ổn. Nhà chùa phải chịu trách - nhiệm trông coi Lão - phu-nhân nhé. Vậy cho về.

Còn nữa

CHỤ-THIỆN

1. Tự xưng vợ mình

QUỐC-HỌC THƯ-XÃ
mới phát hành

THI-THOẠI

Dầy non 300 trang giá 2$00

Son auteur, Văn-Hạc, est connu pour son esprit critique, aussi ce recueil abonde-t-il de détails d'anecdotes, de notes et de commentaires variés... (L'OPINION n. 3.560 du 12-6-42)

ĐANG IN

LƯỢC-KHẢO VỀ MỸ-THUẬT VIỆT-NAM

Đã được cụ Nguyễn văn-Tố và nhiều báo chí Pháp Nam ngợi khen

ĐẠO SỐNG

Nghiên-cứu và phê-bình các chủ nghĩa luân ý triết học Đông Tây Đặt sách, mua sách do nơi LÊ VĂN-HÒE giám-đốc QUỐC-HỌC THƯ-XÃ 16 bis TienTsin HANOI

Mới xuất bản :

DANH NHÂN VIỆT-NAM

của PHAN TRẦN-CHÚC

Trong tủ sách Tao Đàn

Nhà TÂN-DÂN xuất bản

toàn bộ 4 quyển, mới ra quyển 1

Mỗi quyển bản thường : 0$70

Bản đặc biệt giấy lụa dó : 4$00

Ở xa xin gửi tiền trước, thêm tiền cước mỗi quyển là 0p30. Không gửi lĩnh hóa giao ngân. Mandat đề tên ông VŨ ĐÌNH-LONG 93, Rue du Coton — Hanoi

Các bạn cầu may !

bỏ 1 đồng mua vé số

Đông-Pháp

biết đầu không trúng số độc đắc 10 vạn

Ô mai **Tiến Lợi** *ngon lành*
Và lơ **Tiến Lợi** *nổi danh ở đời*
Bốn trăm linh bảy Bạch-mai. Hỏi thăm cho đến tận nơi mua dùng

ĐÃ CÓ BÁN

Một ngày của Tolstoi

Kiều thanh Quế viết theo tài liệu Stéfan Zweig

Giá 0p50

CÒN MỘT ÍT

Phê bình văn học

Giá 0p95

Nhà xuất bản

TÂN VIỆT 49 — Takou — Hà-nội

SẮP IN XONG

CHỬ NHO HỌC LAY

Cử-nhân DƯƠNG BÁ TRẠC soạn

ĐÔNG-TÂY thư quán, 195 hàng Bông Hanoi xuất bản

Mỗi quyển giá 1$00, cước 0p18 —

Các hiệu sách các nơi nên đặt mua từ bây giờ

SÁCH CỦA NHẬT-NHAM

Trịnh - như - Tấu :

1 — Hưng yên địa chí 0p.80
2 — Bắc giang địa chí 1.50
3 — Trịnh gia chính phả 0.40

Đều có bán tại Đông Tây thư quán

195 Phố Hàng Bông—Hanoi

Directeur: Nguyễn Tường-Phượng Administrateur Gérant ; Dương-Tự-Quán

Imp. Spéciale du Tri-Tân Hanoi